

KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TCVN NĂM 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BKHCN ngày tháng năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
<u>I. BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG</u>									
Công nghệ thông tin									
1.		Hộp mực in laser tương thích	Xây dựng mới trên cơ sở ISO/IEC 19752 và ISO/IEC 19798	Vụ Công nghệ thông tin	2015	2016			
2.		Giao thức cấu hình địa chỉ động cho IPv6 (DHCPv6)	Xây dựng mới trên cơ sở các tài liệu tham chiếu RFC 3315	Vụ Khoa học và Công nghệ	2015	2016			
3.		Phương thức cấu hình DNS cho DHCPv6	Xây dựng mới trên cơ sở các tài liệu tham chiếu RFC 3646	nt	2015	2016			
4.		Dịch vụ DHCP không giữ trạng thái cho IPv6	Xây dựng mới trên cơ sở các tài liệu tham chiếu RFC 3736	nt	2015	2016			
5.		Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Hướng dẫn kiểm toán hệ thống quản lý an toàn thông tin	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 27007:2011	Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp Máy tính Việt Nam (VNCERT)	2015	2016			
6.		Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Hướng dẫn quản lý an toàn thông tin	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC TR 27015:2012	nt	2015	2016			

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		tin cho các dịch vụ tài chính							
7.		Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Yêu cầu đối với các cơ quan kiểm toán và chứng nhận các hệ thống quản lý an toàn thông tin	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 27006: 2011	nt	2015	2016			
8.		Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Hướng dẫn cho công nghệ thông tin và truyền thông cho tính liên tục nghiệp vụ	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 27031:2011	nt	2015	2016			
9.		Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Đánh giá an toàn sinh trắc học	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 19792:2009	nt	2015	2016			
10.		Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Chống chối bỏ - Phần 1: Tổng quát	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 13888-1:2009	nt	2015	2016			
11.		Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Chống chối bỏ - Phần 2: Các cơ chế sử dụng kỹ thuật đối xứng	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 13888-2:2010	nt	2015	2016			
12.		Công nghệ thông tin	Xây dựng mới trên cơ sở	nt	2015	2016			

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		– Các kỹ thuật an toàn – Chống chối bỏ - Phần 3: Các cơ chế sử dụng kỹ thuật bất đối xứng	tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 13888-3:2009						
13.		Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn - Hướng dẫn quản lý an toàn thông tin cho các tổ chức viễn thông dựa trên ISO/IEC 27002	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 27011: 2008	Viện công nghệ Thông tin và Truyền thông CDIT	2015	2016			
14.		Công nghệ thông tin- Các kỹ thuật an toàn- Bộ khung cho đảm bảo an toàn Công nghệ thông tin Phần 1:Giới thiệu và khái niệm	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC TR 15443-1:2012	nt	2015	2016			
15.		Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Bộ khung cho đảm bảo an toàn Công nghệ thông tin –Phần 2: Các phân tích	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC TR 15443-2:2012	nt	2015	2016			
16.		Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Hướng dẫn cho an toàn mạng	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 27032:2012	nt	2015	2016			

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
17.		Mã hóa các đối tượng hình ảnh âm thanh - Tương tác giữa âm thanh và các hệ thống	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC TR 14496-24	nt	2015	2016			
18.		Mã hóa các đối tượng hình ảnh âm thanh - Khuôn dạng file đa phương tiện theo chuẩn ISO	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 14496-12	nt	2015	2016			
19.		Mã hóa các đối tượng hình ảnh âm thanh - Mô hình nén đồ họa 3D	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 14496-25	nt	2015	2016			
20.		Giao diện cho khối truy nhập có điều kiện dùng trong truyền hình kỹ thuật số (DVB-CI+)	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế CI Plus Specification V1.3	Viện Khoa học kỹ thuật bưu điện	2015	2016			
21.		Kênh thuê riêng Ethernet điểm điểm- Yêu cầu chất lượng	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ITU-T Y.1563 và MEF 23.1, MEF 14 Metro Ethernet Forum)	nt	2015	2016			
22.		Công nghệ thông tin – Các kỹ thuật an toàn – Hệ thống phương pháp đánh giá an toàn thông tin	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC ISO/IEC 18045:2008	nt	2015	2016			
23.		Hệ thống mã hóa hình ảnh JPEG2000: chuẩn phần mềm	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC15444-5 và ITU-T:	nt	2015	2016			

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tô chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
			T.804						
24.		Hệ thống mã hóa hình ảnh JPEG2000: Các công cụ tương tác, các giao thức và API	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC15444-9 và ITU-T: T.808	nt	2015	2016			
25.		Hệ thống mã hóa hình ảnh JPEG2000: Các mở rộng đối với dữ liệu 3 chiều	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC15444-10 và ITU-T: T.809	nt	2015	2016			
26.		Mã hóa các đối tượng hình ảnh âm thanh - Truyền tải các nội dung đa phương tiện trên mạng IP.	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 14496-8	nt	2015	2016			
27.		Mã hóa các đối tượng hình ảnh âm thanh - Định dạng tệp MP4	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 14496-14	nt	2015	2016			
28.		Mã hóa các đối tượng hình ảnh âm thanh - Định dạng chuỗi văn bản	Xây dựng mới trên cơ sở tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 14496-17	nt	2015	2016			
<u>II. BỘ Y TẾ</u>									
Trang thiết bị y tế									
29.		Quang học và dụng cụ quang học – Lớp phủ quang học - Phần 1: Thuật ngữ và	Chấp nhận ISO 9211-1:2010	Vụ TTB&CTYT	2015	2016			

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		định nghĩa							
30.		Quang học và dụng cụ quang học – Lớp phủ quang học - Phần 2: Thuộc tính quang học	Chấp nhận ISO 9211-2:2010	Vụ TTB&CTYT	2015	2016			
31.		Quang học và dụng cụ quang học - Lớp phủ quang học - Phần 3: Độ bền môi trường	Chấp nhận ISO 9211-3:2008	nt	2015	2016			
32.		Quang học và dụng cụ quang học - Lớp phủ quang học - Phần 4: Phương pháp thử nghiệm	Chấp nhận ISO 9211-4:2006	nt	2015	2016			
33.		Quang học – Kính áp tròng - Chỉ tiêu vi sinh và phương pháp thử cho các sản phẩm và chế độ quản lý vệ sinh kính áp tròng	Chấp nhận ISO 14729:2001	nt	2015	2016			
34.		Quang học – Kính áp tròng - Chất bảo quản kháng sinh thử nghiệm hiệu quả và	Chấp nhận ISO 14730:2000	nt	2015	2016			

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		hướng dẫn xác định ngày loại bỏ							
35.		Tiệt khuẩn sản phẩm chăm sóc sức khoẻ – Từ vựng	Chấp nhận ISO 11139:2006	Vụ TTB&CTYT	2015	2016			
36.		Tiệt khuẩn sản phẩm chăm sóc sức khoẻ – Chỉ thị hoá học - Phần 1: Yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 11140-1:2005	nt	2015	2016			
37.		Phần mềm trang thiết bị y tế - Phần 1: Hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn ISO 14971 về phần mềm trang thiết bị y tế	Chấp nhận IEC/TR 80002-1:2009	nt	2015	2016			
38.		Thử nghiệm lâm sàng trang thiết bị y tế trên người - Thực hành lâm sàng tốt	Chấp nhận ISO 14155:2011/Cor 1:2011	nt	2015	2016			
39.		Cấy ghép cho phẫu thuật - Thiết bị y tế cấy ghép - Phần 1:	Chấp nhận ISO 14708-1:2000	nt	2015	2016			

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tô chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Yêu cầu chung về an toàn, khuyến cáo và thông tin được cung cấp bởi nhà sản xuất							
40.		Cây ghép cho phẫu thuật - Thiết bị y tế cấy ghép - Phần 2: Máy tạo nhịp tim	Chấp nhận ISO 14708-2:2012	Vụ TTB&CTYT	2015	2016			
41.		Cây ghép cho phẫu thuật - Thiết bị y tế cấy ghép - Phần 3: Cây ghép thần kinh	Chấp nhận ISO 14708-3:2008	nt	2015	2016			
42.		Máy thở dùng trong y tế - Phần 4: Yêu cầu riêng đối với bóp bóng hồi sức	Chấp nhận ISO 10651-4:2002	nt	2015	2016			
43.		Máy thở dùng trong y tế - Yêu cầu riêng về an toàn và tính năng thiết yếu – Phần 5: Máy thở cấp cứu sử dụng khí gas.	Chấp nhận ISO 10651-5:2006	nt	2015	2016			
44.		Máy thở dùng trong y	Chấp nhận	nt	2015	2016			

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		tế - Yêu cầu riêng về an toàn và tính năng thiết yếu - Phần 6: Thiết bị giúp thở tại nhà	ISO 10651-6:2004						
45.		Chẩn đoán <i>in vitro</i> thiết bị y tế - Đánh giá sự ổn định của <i>in vitro</i> ống nghiệm chẩn đoán	Chấp nhận ISO 23640:2011	Vụ TTB&CTYT	2015	2016			
46.		Nội soi - Nội soi y tế và các thiết bị nội soi trị liệu - Phần 1: Yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 8600-1:2013	nt	2015	2016			
47.		Nội soi - Nội soi y tế và các thiết bị nội soi trị liệu - Phần 7: Yêu cầu cơ bản cho nội soi y tế của loại chịu nước	Chấp nhận ISO 8600-7:2012	nt	2015	2016			
48.		Đánh giá sinh học trang thiết bị y tế - Phần 20: Nguyên tắc và phương pháp thử nghiệm thiết bị y tế.	Chấp nhận ISO/TS 10993-20:2006	nt	2015	2016			

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
49.		Ống hút sử dụng trong đường hô hấp	Chấp nhận ISO 8836:2007	Vụ TTB&CTYT	2015	2016			
50.		Quá trình vô khuẩn sản phẩm chăm sóc sức khỏe – Phần 7: Quá trình thay thế cho các thiết bị y tế và các sản phẩm kết hợp	Chấp nhận ISO 13408-7:2012	nt	2015	2016			
51.		Tiệt khuẩn sản phẩm chăm sóc sức khỏe - Chỉ số sinh học và hóa học - Thiết bị thử nghiệm	Chấp nhận ISO 18472:2006	nt	2015	2016			
52.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Trọng lượng phân tử polyetylen siêu cao - Phần 1: Dạng bột	Chấp nhận ISO 5834-1:2005 Cor 1:2007	nt	2015	2016			
53.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Trọng lượng phân tử polyetylen siêu cao -	Chấp nhận ISO 5834-2:2011	nt	2015	2016			

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Phần 2: Hình thức khuôn mẫu							
54.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Trọng lượng phân tử polyetylen siêu cao - Phần 3: Phương pháp lão hóa tăng tốc	Chấp nhận ISO 5834-3:2005	Vụ TTB&CTYT	2015	2016			
55.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Trọng lượng phân tử polyetylen siêu cao - Phần 4: Phương pháp đo lường chỉ số oxy hóa	Chấp nhận ISO 5834-4:2005	nt	2015	2016			
56.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Trọng lượng phân tử polyetylen siêu cao - Phần 5: Phương pháp đánh giá hình thái	Chấp nhận ISO 5834-5:2005	nt	2015	2016			
57.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Canxi phốt phát - Phần 3:	Chấp nhận ISO 13175-3:2012	nt	2015	2016			

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Hydroxyapatite và thay thế xương phosphate beta- tricalcium							
58.		Ống khí quản thiết kế cho phẫu thuật laser - Yêu cầu đối với nhãn mác và thông tin thêm	Chấp nhận ISO 14408:2005	Vụ TTB&CTYT	2015	2016			
59.		Chẩn đoán in vitro thiết bị y tế - Đo lường về số lượng trong các mẫu sinh học - Đo lường các giá trị được chỉ định cho thiết bị định cỡ và đối chứng	Chấp nhận ISO 17511:2003	nt	2015	2016			
60.		Chẩn đoán in vitro thiết bị y tế - Đo lường về số lượng trong các mẫu sinh học - Đo lường các giá trị nồng độ chất xúc tác của các	Chấp nhận ISO 18153:2003	nt	2015	2016			

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		enzym được chỉ định cho thiết bị định cỡ và đối chứng							
61.		Dụng cụ gây mê và hô hấp - Máy chuyển đổi nhiệt và ẩm (HMEs) dùng làm ẩm không khí hô hấp ở người - Phần 1: HMEs dùng với dung tích khí nhỏ 250ml	Chấp nhận ISO 9360-1:2000	Vụ TTB&CTYT	2015	2016			
62.		Dụng cụ gây mê và hô hấp - Máy chuyển đổi nhiệt và ẩm (HMEs) dùng làm ẩm không khí hô hấp ở người - Phần 2: HMEs dùng cho bệnh nhân mở khí quản có dung tích nhỏ 250ml	Chấp nhận ISO 9360-2:2001	nt	2015	2016			
63.		Chẩn đoán <i>in vitro</i> thiết bị y tế - Đo lường số lượng mẫu của nguồn gốc sinh	Chấp nhận ISO 15193:2009	nt	2015	2016			

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		học – Yêu cầu về nội dung và trình bày các thủ tục đo lường tham khảo.							
64.		Phòng thí nghiệm thử lâm sàng và hệ thống xét nghiệm chẩn đoán trong ống nghiệm. Phương pháp thử với hoạt động <i>in vitro</i> trong ống nghiệm chống lại các loại nấm men liên quan đến các bệnh truyền nhiễm	Chấp nhận ISO 16256:2012	Vụ TTB&CTYT	2015	2016			
65.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Keo acrylic	Chấp nhận ISO 5833:2002	nt	2015	2016			
66.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Giải pháp thử nghiệm và điều kiện môi trường đối với các thử	Chấp nhận ISO 16428:2005	nt	2015	2016			

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		nghiệm tĩnh và động ăn mòn trên các vật liệu cấy ghép và thiết bị y tế							
67.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Những nguyên lý cơ bản	Chấp nhận ISO/TR 14283:2004	Vụ TTB&CTYT	2015	2016			
68.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Kiểm tra cơ học đối với các thiết bị cột sống - Phương pháp kiểm tra găng sức đối với bộ phận cột sống ghép bằng cách dùng một giá đỡ trước đó	Chấp nhận ISO 12189:2008	nt	2015	2016			
69.		Hệ thống kim tiêm dùng trong y tế - Yêu cầu và phương pháp thử - Phần 1: Hệ thống kim tiêm	Chấp nhận ISO 11608-1:2012	Viện TTB&CTYT	2015	2016			
70.		Hệ thống kim tiêm dùng trong y tế - Yêu cầu và phương pháp	Chấp nhận ISO 11608-2:2012	nt	2015	2016			

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		thử - Phần 2: Kim tiêm							
71.		Hệ thống kim tiêm dùng trong y tế - Yêu cầu và phương pháp thử - Phần 3: Kết thúc chứa	Chấp nhận ISO 11608-3:2012	Viện TTB&CTYT	2015	2016			
72.		Bút tiêm dùng trong y tế - Phần 4: Yêu cầu và phương pháp thử cho bút điện tử và bút điện cơ	Chấp nhận ISO 11608-4:2006	nt	2015	2016			
73.		Hệ thống kim tiêm dùng trong y tế - Yêu cầu và phương pháp thử - Phần 5: Hệ thống tự động	Chấp nhận ISO 11608-5:2012	nt	2015	2016			
74.		Kim tiêm dưới da vô khuẩn dùng một lần - Phần 3: Xy-lanh tự bất hoạt dùng cho tiêm ngừa liều cố định	Chấp nhận ISO 7886-3:2005	nt	2015	2016			
75.		Kim tiêm dưới da vô khuẩn dùng một lần - Phần 4: Xy-lanh ngăn tái sử dụng	Chấp nhận ISO 7886-4:2006	nt	2015	2016			
76.		Kim tiêm vô khuẩn sử dụng một lần, có hoặc không có kim,	Chấp nhận ISO 8537:2007	nt	2015	2016			

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		đôi với insulin							
77.		Thiết bị điện y tế – Triển khai thực hiện hướng dẫn hoạt động cho sự nhận biết người bệnh bằng cách sử dụng nhiệt kế lâm sàng	Chấp nhận ISO/TR 13154:2009	Viện TTB&CTYT	2015	2016			
78.		Thiết bị y tế cho bảo tồn oxy và dưỡng khí hỗn hợp - Yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 18779:2005	nt	2015	2016			
79.		Phục hồi và phân tích vật cây ghép phẫu thuật – Phân tích vật cây ghép phẫu thuật bằng kim loại	Chấp nhận ISO 12891-2:2000	nt	2015	2016			
80.		Phục hồi và phân tích vật cây ghép phẫu thuật – Phân tích vật cây ghép phẫu thuật bằng nhựa	Chấp nhận ISO 12891-3:2000	nt	2015	2016			
81.		Thiết bị tiêm dùng trong y tế- Phần 1: Ống thuốc bột tiêm	Chấp nhận ISO 9187-1:2010	nt	2015	2016			
82.		Thiết bị tiêm dùng trong y tế- Phần 2: Điểm cắt (OPC) ống	Chấp nhận ISO 9187-2:2010	nt	2015	2016			
83.		Khuôn làm bằng chất	Chấp nhận	Viện	2015	2016			

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		đeo kết hợp cho các lọ truyền và tiêm - Yêu cầu và phương pháp thử	ISO 10985:2009	TTB&CTYT					
84.		Di chuyển hệ thống oxy lỏng dùng trong y tế - yêu cầu cụ thể	Chấp nhận ISO 18777:2005	nt	2015	2016			
85.		Thiết bị hô hấp - màn hình trẻ sơ sinh - yêu cầu cụ thể	Chấp nhận ISO 18778:2005	nt	2015	2016			
86.		Mô cấy và cơ quan nhân tạo - Máy lọc huyết tương	Chấp nhận ISO 13960:2010	nt	2015	2016			
87.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Vật liệu gốm - Phần 1: Vật liệu sứ có nhôm tinh chất cao	Chấp nhận ISO 6474-1:2010	nt	2015	2016			
88.		Vật cấy ghép trong phẫu thuật - Vật liệu gốm - Phần 2: Vật liệu composite dựa trên một ma trận nhôm độ tinh khiết cao với zirconia tăng cường	Chấp nhận ISO 6474-2:2012	nt	2015	2016			
89.		Cấy ghép tim mạch và cơ quan nhân tạo -	Chấp nhận ISO 15675:2009	Viện TTB&CTYT	2015	2016			

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
		Hệ thống bắc cầu tim phổi – Bộ lọc máu động mạch							
90.		Cây ghép tim mạch và cơ quan nhân tạo - Hệ thống chứa vỏ cứng trong mô tim hở/tĩnh mạch (có hoặc không có lọc) và túi chứa tĩnh mạch mềm	Chấp nhận ISO 15674:2009	nt	2015	2016			
91.		Tim mạch cấy ghép và bộ phận nhân tạo - Máy trao đổi khí máu (máy oxy hóa)	Chấp nhận ISO 7199:2009	nt	2015	2016			
92.		Tim mạch cấy ghép và bộ phận nhân tạo - Máy thẩm tách máu, lọc tách máu, lọc máu và cô đặc máu	Chấp nhận ISO 8637:2010	nt	2015	2016			
93.		Tim mạch cấy ghép và bộ phận nhân tạo - Tuần hoàn ngoài cơ thể với máy thẩm tách máu, lọc tách máu và lọc máu	Chấp nhận ISO 8638:2010	nt	2015	2016			
94.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 1: Chai truyền dịch bằng thủy tinh	Chấp nhận ISO 8536-1:201	nt	2015	2016			

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
95.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 2: Đóng kín chai truyền dịch	Chấp nhận ISO 8536-2:2010	Viện TTB&CTYT	2015	2016			
96.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 3: Nắp nhôm cho chai truyền dịch	Chấp nhận ISO 8536-3:2009	nt	2015	2016			
97.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 4: Bộ kim tiêm dùng một lần	Chấp nhận ISO 8536-4:2010/Adm1	nt	2015	2016			
98.		Thiết bị truyền dịch dùng trong y tế - Phần 5: Bộ kim tiêm buret dùng một lần	Chấp nhận ISO 8536-5:2004	nt	2015	2016			
Nguyên liệu hóa dược									
99.		Abacavir sulfat	Xây dựng mới	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2015	2016			
100.		Arginin	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
101.		Arginin aspartat	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
102.		Attapulgit	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
103.		Calcitriol	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
104.		Cefđinir	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
105.		Cefepim hydroclorid monohydrat	Xây dựng mới	Hội đồng Dược điển	2015	2016			

TT TT	Lĩnh vực/đối tượng TCVN	Tên gọi TCVN	Phương thức xây dựng TCVN	Tổ chức biên soạn/ Ban kỹ thuật xây dựng TCVN	Thời gian thực hiện		Kinh phí dự kiến		Cơ quan đề xuất kế hoạch
					Bắt đầu	Kết thúc	NSNN	Nguồn khác	
				Việt Nam					
106.		Celecoxib	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
107.		Esomeprazol magnesi trihydrat	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
108.		Felodipin	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
109.		Glutathion	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
110.		Histidin	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
111.		Histidin hydroclorid	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
112.		Isoleucin	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
113.		Lopinavir	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
114.		Lycin acetat	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
115.		Nifuroxazid	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
116.		Nitrazepam	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
117.		Penicilamin	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
118.		Sultamicilin	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
119.		Sultamicilin tosilat dihydrat	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
120.		Terbutalin sulfat	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
121.		Tramadol hydroclorid	Xây dựng mới	nt	2015	2016			

<u>Thành phần hóa dược</u>									
122.		Bột pha hỗn dịch uống cefaclor	Xây dựng mới	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2015	2016			
123.		Bột pha hỗn dịch uống cefdinir	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
124.		Bột pha hỗn dịch uống cefpodoxim	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
125.		Bột pha tiêm ceftazidim	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
126.		Nang ambroxol	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
127.		Nang cefdinir	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
128.		Nang cefpodoxim	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
129.		Nang mềm calcitriol	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
130.		Viên nén ambroxol	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
131.		Viên nén atorvastatin	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
132.		Viên nén glimepirid + metformin	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
133.		Viên nén indinavir	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
134.		Viên nén itraconazol	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
135.		Viên nén losartan	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
136.		Viên nén lovastatin	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
137.		Viên nén oseltamivir	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
138.		Viên nén perindopril terbutylamin	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
139.		Viên nén simvastatin	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
140.		Viên nén telmisartan	Xây dựng mới	nt	2015	2016			

141.		Viên nén bao tan trong ruột esomeprazol	Xây dựng mới	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2015	2016			
142.		Viên nén bao tan trong ruột pantoprazol	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
Dược liệu									
143.		Cao đặc huyết giác	Xây dựng mới	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2015	2016			
144.		Cao đặc ích mẫu	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
145.		Ngoi (Lá)	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
146.		Bảy lá một hoa (Toàn cây)	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
Vắc xin									
147.		Hướng dẫn xử trí các các vấn đề thường gặp trong thử nghiệm ELISA	Xây dựng mới	Hội đồng Dược điển Việt Nam	2015	2016			
148.		Vắc xin phế cầu cộng hợp	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
149.		Xác định hàm lượng O-acetyl trong vắc xin thương hàn Vi	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
150.		Xác định công hiệu, nhận dạng kháng nguyên Cúm bằng phương pháp SRD.	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
Phương pháp kiểm nghiệm thuốc									
151.		Qui định thuật ngữ	Xây dựng mới	Hội đồng	2015	2016			

		cho các dạng thuốc (theo mô hình giải phóng dược chất)		Dược điển Việt Nam					
152.		Phổ khối kết hợp plasma quy nạp (ICP- MS)	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
153.		Phổ huỳnh quang X- Ray	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
154.		Phổ Raman	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
155.		Chỉ số lỗ khí	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
156.		Bộ TCVN I về Thuốc	Soát xét Bộ TCVN I về Thuốc	nt	2015	2016			

III. BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chất và Khoáng sản

157.		Đất, đá quặng sắt - Phương pháp khối lượng xác định hàm lượng silic dioxit	Xây dựng mới	Tổng cục ĐC&KSVN	2015	2015			
158.		Đất, đá quặng sắt - Phương pháp chuẩn độ complexon xác định hàm lượng canxi và magiê	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
159.		Đất, đá quặng sắt - Phương pháp đo quang với thuốc thử hidro peoxit xác định hàm lượng titan	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
160.		Đất, đá quặng sắt - Phương pháp khối	Xây dựng mới	nt	2015	2015			

		lượng xác định hàm lượng nước kết tinh							
161.		Đất, đá quặng titan - Phương pháp chuẩn độ thể tích xác định hàm lượng titan	Xây dựng mới	Tổng cục ĐC&KSVN	2015	2015			
162.		Đất, đá quặng Titan - Phương pháp chuẩn độ bicromat xác định hàm lượng sắt tổng số	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
163.		Đất, đá quặng Titan - Phương pháp chuẩn độ bicromat xác định hàm lượng sắt (II)	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
164.		Đất, đá quặng Titan - Phương pháp chuẩn độ muối Mohr xác định hàm lượng mangan tổng số	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
165.		Đất, đá quặng Titan - Phương pháp đo quang xác định hàm lượng photpho	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
166.		Đất, đá quặng mangan - Phương pháp đo quang xác định hàm lượng photpho	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
167.		Phương pháp đo quang với thuốc thử axit cromtropic xác định hàm lượng titan	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
168.		Phương pháp khối	Xây dựng mới	nt	2015	2015			

		lượng xác định hàm lượng silic dioxit							
169.		Đất, đá quặng mangan - Phương pháp chuẩn độ bicromat xác định hàm lượng sắt tổng số trong quặng mangan	Xây dựng mới	Tổng cục ĐC&KSVN	2015	2015			
170.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Phương pháp xây dựng bãi chuẩn phục vụ công tác bay đo phổ gamma hàng không.	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
171.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - phương pháp hiệu chỉnh biến thiên từ trong bay đo từ hàng không.	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
172.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Phương pháp kiểm tra mặt đất dị thường địa vật lý máy bay	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
173.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Phương pháp đo trọng lực khu vực	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
174.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Phương pháp đo trọng lực chi tiết	Xây dựng mới	nt	2015	2015			

175.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Phương pháp đo trọng lực độ chính xác cao	Xây dựng mới	Tổng cục ĐC&KSVN	2015	2015			
176.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Phương pháp hiệu chỉnh địa hình	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
177.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Phương pháp hiệu chỉnh lớp trung gian	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
178.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Phương pháp xây dựng mạng lưới tọa trọng lực	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
179.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Phương pháp xác định dị thường Bughe và dị thường Fai	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
180.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Quy trình lấy mẫu sinh địa hóa	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
181.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Quy trình lấy mẫu thủy địa hóa	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
182.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản -	Xây dựng mới	nt	2015	2015			

		Quy trình lấy mẫu bùn đáy							
183.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Phương pháp tổng hợp tài liệu quan trắc ĐCTV đơn giản trong lỗ khoan	Xây dựng mới	Tổng cục ĐC&KSVN	2015	2015			
184.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Phương pháp lấy mẫu cơ lý trong công tác đo vẽ lập bản đồ ĐCTV – ĐCCT	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
185.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Phương pháp lấy mẫu cơ lý trong lỗ khoan	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
186.		Điều tra, đánh giá và thăm dò khoáng sản - Phương pháp tổng hợp tài liệu lập báo cáo công tác ĐCCT	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
Môi trường									
187.		Chất lượng nước - Xác định Asen và Antimon - Phần 1: Phương pháp sử dụng phổ huỳnh quang nguyên tử kết hợp kỹ thuật hydrua (HG- AFS)	Chấp nhận ISO 17378- 1:2014	Tổng cục Môi trường	2015	2015			
188.		Chất lượng nước -	Chấp nhận ISO 17378-	nt	2015	2015			

		Xác định Asen và Antimon – Phần 2: Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử kết hợp kỹ thuật hydrua (HG-AAS)	2:2014						
189.		Chất lượng nước – Chì 210 – Phương pháp đếm nhấp nháy lỏng	Chấp nhận ISO 13136:2013	Tổng cục Môi trường	2015	2015			
190.		Chất lượng nước – Xác định độc tính của trầm tích nước ngọt sử dụng <i>Hyaella azteca</i>	Chấp nhận ISO 16303:2013	nt	2015	2015			
191.		Chất lượng nước – Hướng dẫn lấy và xử lý mẫu định lượng thực vật mềm đáy biển	Chấp nhận ISO 16665:2014	nt	2015	2015			
192.		Phát thải nguồn tĩnh – Phương pháp thử để xác định bụi PM 2,5 và PM 10 trong ống khói sử dụng thiết bị xyclon và pha loãng mẫu	Chấp nhận ISO 25597:2013	nt	2015	2015			
193.		Phát thải nguồn tĩnh – Phương pháp tự động, thủ công để xác định lưu lượng thể tích trong ống thải. Phần 1: Phương pháp thủ công	Chấp nhận ISO 16911-1:2013	nt	2015	2015			

194.		Phát thải nguồn tĩnh – Phương pháp tự động, thủ công để xác định lưu lượng thể tích trong ống thải. Phần 2: Phương pháp tự động	Chấp nhận ISO/WD 16911-2: 2013	Tổng cục Môi trường	2015	2015			
195.		Chất lượng nước – Xác định các thông số được lựa chọn bằng hệ thống phân tích rời rạc – Phần 1: Amoni, nitrat, nitrit, clorua, orthophosphat, sulphat và silicat bằng phương pháp đo quang	Chấp nhận ISO/WD 15923-1: 2013	nt	2015	2015			
196.		Chất lượng nước - Yêu cầu kỹ thuật để so sánh độ thu hồi của các vi sinh bằng hai phương pháp định lượng	Chấp nhận ISO 17994:2014	nt	2015	2015			
197.		Xác định nồng độ Oxy và Cacbon dioxit từ phát thải nguồn tĩnh (quy trình sử dụng máy phân tích)	Chấp nhận EPA Method 3A	nt	2015	2015			
198.		Xác định tổng các khí hữu cơ theo cacbon trừ metan	Chấp nhận EPA Method 25	nt	2015	2015			
199.		Xác định tổng nồng độ các chất khí hữu cơ bằng phân tích ion	Chấp nhận EPA Method 25A	nt	2015	2015			

		hóa ngọn lửa							
200.		Xác định Hydro Clorua từ phát thải nguồn tĩnh	Chấp nhận EPA Method 26	Tổng cục Môi trường	2015	2015			
201.		Phương pháp phơi nhiễm chất dẻo có khả năng phân hủy quang học dưới tác động của tia cực tím (UV)	Chấp nhận tiêu chuẩn ASTM D5208	nt	2015	2015			
202.		Phương pháp xác định sự phân hủy sinh học hiếu khí của vật liệu chất dẻo dưới điều kiện tạo compost có kiểm soát, kết hợp các nhiệt độ	Chấp nhận tiêu chuẩn ASTM D5338	nt	2015	2015			
203.		Yêu cầu ghi nhãn cho chất dẻo được phân loại có khả năng tạo compost hiếu khí tại các cơ sở xử lý chất thải đô thị và công nghiệp	Chấp nhận tiêu chuẩn ASTM D6400	nt	2015	2015			
204.		Bao bì đóng gói- Những yêu cầu đối với bao bì đóng gói có thể thu hồi thông qua việc ủ compost và phân hủy sinh học – Kế hoạch thử nghiệm và tiêu chí đánh giá để chấp nhận bao bì đóng gói	Chấp nhận tiêu chuẩn EN 13432	nt	2015	2015			

Đo đạc và Bản đồ									
205.		Đo đạc cơ sở quốc gia - Tham số tính chuyển giữa hệ tọa độ quốc tế WGS-84 và Hệ tọa độ Quốc gia VN-2000	Xây dựng mới	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	2015	2015			
206.		Cơ sở dữ liệu địa lý - Xây dựng Siêu dữ liệu	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
207.		Đo ảnh địa hình - Thành lập bình đồ trực ảnh	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
208.		Bản đồ địa hình Quốc gia - Phân lớp nội dung bản đồ địa hình tỷ lệ 1:2 000 - 1:5 000 trong phần mềm Microstation.	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
209.		Bản đồ địa hình Quốc gia - Kí hiệu bản đồ địa hình tỷ lệ 1:2.000 - 5000 trong phần mềm Microstation	Xây dựng mới	nt	2015	2015			
210.		Thông tin địa lý - Siêu dữ liệu – Phần 2: Phần mở rộng dữ liệu lưới và ảnh	Chấp nhận tiêu chuẩn ISO 19115-2:2009	nt	2015	2015			
211.		Thông tin địa lý – Các quy tắc đối với lược đồ ứng dụng	Chấp nhận tiêu chuẩn ISO 19109	nt	2015	2015			
212.		Thông tin địa lý - Thông số kỹ thuật sản phẩm dữ liệu	Chấp nhận tiêu chuẩn ISO 19131:2007	nt	2015	2015			

213.		Thông tin địa lý – Mô tả (Hiện thị thông tin địa lý)	Chấp nhận tiêu chuẩn ISO 19117	Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam	2015	2015			
214.		Thông tin địa lý - Mã hóa	Chấp nhận tiêu chuẩn ISO/TS 19127:2005	nt	2015	2015			
215.		Thông tin địa lý – Các tiêu chuẩn chức năng	Chấp nhận tiêu chuẩn ISO 19120	nt	2015	2015			
216.		Thông tin địa lý - Từ điển khái niệm đối tượng và đăng ký	Chấp nhận tiêu chuẩn ISO 19126:2009	nt	2015	2015			
217.		Thông tin địa lý - Mã trắc địa và các thông số	Chấp nhận tiêu chuẩn ISO/TS 19127:2005	nt	2015	2015			
218.		Thông tin địa lý – Lược đồ thời gian	Chấp nhận tiêu chuẩn ISO 19108	nt	2015	2015			
219.		Thông tin địa lý – Các phương tiện định vị	Chấp nhận tiêu chuẩn ISO 19116	nt	2015	2015			

IV. BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Trồng trọt

220.		Hom mía giống – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	Viện Nghiên cứu Mía đường	2015	2016			
221.		Cây tiêu giống	Xây dựng mới	Viện KHKT Nông lâm nghiệp Tây Nguyên	2015	2016			
222.		Cây điều giống	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
223.		Cây giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm - Phương	Xây dựng mới	Cục Trồng trọt	2015	2016			

		pháp kiểm định							
224.		Gạo thương phẩm – Yêu cầu chất lượng	Xây dựng mới	Viện Cây lượng thực và Cây thực phẩm	2015	2016			
Thuốc bảo vệ thực vật									
225.		Thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) chứa hoạt chất Fosetyl Aluminum -Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2015	2016			
226.		Thuốc BVTV chứa hoạt chất Lufenuron- Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
227.		Thuốc BVTV chứa hoạt chất Cyromazin Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
228.		Thuốc BVTV chứa hoạt chất Propinazole- Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
229.		Thuốc BVTV chứa hoạt chất Imidacloprid - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
230.		Thuốc BVTV chứa hoạt chất Mefenacet- Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
231.		Thuốc BVTV chứa hoạt chất cymoxanil-	Xây dựng mới	nt	2015	2016			

		Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử							
232.		Thuốc BVTV chứa hoạt chất Butachlor – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử.	Xây dựng mới	Cục Bảo vệ thực vật	2015	2016			
Đất trồng trọt									
233.		Chất lượng đất – PP xác định hàm lượng axit humic và axit fuvic trong đất	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu	Viện Thổ nhưỡng nông hóa	2015	2016			
234.		Chất lượng đất – PP phân tích hàm lượng silic hòa tan trong đất bằng phương pháp so màu xanh molipden	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu	nt	2015	2016			
235.		Đất – PP xác định khả năng đệm pH của đất	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu	nt	2015	2016			
236.		Cây trồng – PP xác định chiều dài của rễ cây	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu	nt	2015	2016			
237.		Đất – Xác định nhanh tính thấm nước của đất trên đồng ruộng	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu	nt	2015	2016			
238.		Đất – Xác định độ ẩm cây héo của đất	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tài liệu	nt	2015	2016			
Thủy sản									
239.		Thức ăn hỗn hợp cho cá rô đồng - Yêu cầu kỹ thuật.	Xây dựng mới	Tổng cục Thủy sản	2015	2016			
240.		Cá ngừ nguyên liệu - Yêu cầu chất lượng	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
241.		Lưới vây khai thác cá nôi nhỏ - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới	nt	2015	2016			

Lâm nghiệp									
242.		Giống cây lâm nghiệp – Keo Phần 1: Keo tai tượng Phần 2: Keo lá liềm Phần 3: Keo lá tràm	Xây dựng mới	Viện Giống và CNSH	2015	2016			
243.		Giống cây lâm nghiệp – Bạch đàn Phần 1: Bạch đàn Urô Phần 2: Bạch đàn Camal	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
244.		Giống cây lâm nghiệp – Thông Phần 1: Thông đuôi ngựa Phần 2: Thông Caribe	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
245.		Giống cây lâm nghiệp – Tràm Phần 1: Tràm Úc Phần 2: Tràm ta	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
246.		Giống cây lâm nghiệp - Mây nếp	Xây dựng mới	Trung tâm Lâm đặc sản	2015	2016			
247.		Giống cây lâm nghiệp – Hôi	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
248.		Giống cây lâm nghiệp – Sa nhân	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
249.		Giống cây lâm nghiệp – Thảo quả	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
250.		Giống cây lâm nghiệp – Sở	Xây dựng mới	Viện KHLNVN	2015	2016			
251.		Giống cây lâm nghiệp – Macadamia	Xây dựng mới	Tổng cục Lâm nghiệp	2015	2016			
Chăn nuôi									
252.		Vịt giống (vịt Mốc,	Xây dựng mới	Cục Chăn	2015	2016			

		TsN-15, Biên-15, ST, Cổ Lũng) - Yêu cầu kỹ thuật		nuôi					
-		Thức ăn chăn nuôi - Xác định hàm lượng Salbutamol trong thức ăn chăn nuôi.	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
253.		Giống bò nội địa - Phần 1 giống bò H Mông, phần 2 giống bò U đầu riú.	Xây dựng mới	Trung tâm nghiên cứu bò và đồng cỏ Ba vì - Viện Chăn nuôi	2015	2016			
254.		Quy trình bình tuyển giám định bò giống (đối với bò đực, bò cái, hướng sữa và hướng thịt)	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
255.		Quy trình bình tuyển giám định lợn giống (đối lợn đực, nái)	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
256.		Kiểm tra năng suất đực giống và cái giống vật nuôi	xây dựng mới	Cục chăn nuôi	2015	2016			
Thú y									
257.		Mật ong – Xác định dư lượng carbendazim bằng kỹ thuật sắc ký lỏng hai lần khối phổ (LCMSMS);	Xây dựng mới	Cục Thú y	2015	2016			
258.		Mật ong – Xác định dư lượng Amitraz bằng kỹ thuật sắc ký khí khối phổ	Xây dựng mới	nt	2015	2016			

		(GCMS);							
259.		Thịt – Xác định dư lượng sulfonamids bằng kỹ thuật sắc ký lỏng hai lần khối phổ (LCMSMS)	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
260.		Mật ong – Xác định dư lượng carbamate (carbaryl, methiocarb, primicarb) bằng kỹ thuật sắc ký khí khối phổ (GCMS);	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
Thủy lợi									
261.		Công trình thủy lợi - Bản đồ ngập lụt hạ lưu trong các tỉnh hướng xả lũ – Yêu cầu kỹ thuật	Tham khảo tài liệu của Mỹ, Canada, Úc, Trung Quốc	Trường ĐH Thủy lợi	2015	2016			
262.		Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế, thi công công trình giảm sóng và phá sóng bảo vệ bờ biển	Từ kết quả nghiên cứu khoa học và tài liệu nước ngoài	nt	2015	2016			
Máy nông nghiệp									
263.		Thiết bị bảo vệ cây trồng – Máy phun đeo vai: Phần 1: Yêu cầu môi trường và an toàn Phần 2: Phương pháp thử	Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế ISO 19932-1:2013; ISO 19932-2:2013	Cục Chế biến NLTS&NM	2015	2016			
264.		Máy nông nghiệp tự hành – Đánh giá sự ổn định – Phần 1: Nguyên tắc	Chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế ISO 16231-1:2013	nt	2015	2016			

V. BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

265.	Sân bay - Đường cất hạ cánh	Chuyên đổi bổ sung từ tài liệu DOC 9157 Aerodrome Design Manual Part 1. Runways	Cục Hàng không Việt Nam	2015	2016			
266.	Cọc vít có cánh đơn ở mũi - Yêu cầu thiết kế	Xây dựng mới / tham khảo TCVN 9245 : 2012 Cọc ống thép, 22TCN 272-05 Tiêu chuẩn thiết kế cầu, JRA 2002 và 2012 Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ của Nhật Bản, TCCS 03/2012-TCĐBVN Tiêu chuẩn thiết kế móng cọc ống thép dạng giềng.	Tổng cục Đường bộ Việt Nam	2015	2016			
267.	Bê tông cát - Thiết kế thành phần và chế tạo	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
268.	Rà quét luồng, vật chướng ngại trên luồng đường thủy nội địa	Xây dựng mới dựa trên Tiêu chuẩn cơ sở <i>Công trình thanh thải vật chướng ngại trên luồng đường thủy nội địa - khảo sát, thiết kế, thi công và nghiệm thu</i>	Cục Đường thủy Nội địa	2015	2016			
269.	Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa	Nâng cấp, rà soát, bổ sung tiêu chuẩn cơ sở Quản lý, bảo trì đường thủy nội địa	Cục Đường thủy Nội địa	2015	2016			
270.	Hệ thống đường sắt đô thị - Các hệ thống bảo vệ	Chấp nhận tiêu chuẩn Châu Âu EN50128	Cục Đăng kiểm Việt Nam	2015	2016			
271.	Phương tiện giao thông đường sắt - toa xe P (xi téc) - Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo tiêu chuẩn Trung Quốc GB10487-89	nt	2015	2016			
272.	Phương tiện giao thông đường sắt -	Xây dựng mới trên cơ sở tham khảo các tiêu chuẩn:	nt	2015	2016			

		Đầu máy toa xe - Yêu cầu thiết bị ghi tốc độ	GO-OTS-203; TB 2765-2005						
273.		Phân cấp và chế tạo giàn di động trên biển	Soát xét TCVN 5309 - TCVN 5319 Công trình biển di động, quy phạm phân cấp và chế tạo	nt	2015	2016			
274.		Công trình biển cố định	Soát xét TCVN 6767: 2000	nt	2015	2016			
275.		Tiếng ồn trong hoạt động GTVT đường sắt	Tham khảo - Tài liệu Độ ồn dọc tuyến đường sắt TCCS 03:2009/VNRA; - Tiêu chuẩn tiếng ồn môi trường khu vực thành thị (Standard of environmental transit noise in urban area) – GB3096-93; GB 10070-88; HJ 2.4-2009.	Cục Đường sắt Việt Nam	2015	2016			
276.		Độ rung trong hoạt động GTVT đường sắt	- Tài liệu nguồn: Độ rung dọc tuyến đường sắt TCCS 04:2009/VNRA; - Tài liệu tham khảo: Tiêu chuẩn rung động môi trường khu vực thành thị (Standard of environmental vibration in urban area) – GB10070-88; - HJ453-2008.	nt	2015	2016			
277.		Bê tông đầm lăn trong kết cấu áo đường ô tô – Yêu cầu thiết kế	Xây dựng mới trên cơ sở kết quả nghiên cứu “Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thi công kết cấu mặt đường bê tông đầm lăn RCC cho hạ tầng giao thông”	Viện Khoa học Công nghệ GTVT	2015	2016			
278.		Bê tông đầm lăn trong kết cấu áo đường ô tô – Thi công và nghiệm thu	Xây dựng mới trên cơ sở kết quả nghiên cứu “Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thi công kết cấu mặt đường bê tông đầm lăn RCC cho hạ	nt	2015	2016			

			tầng giao thông”						
279.		Thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu sét bentonite	Xây dựng mới tham khảo các tiêu chuẩn ASTM D4380, API 13B API, API 13A API; ASTM D6910; ASTM D1293; ASTM D4381; ASTM D5891	nt	2015	2016			
280.		Phương pháp thí nghiệm xác định độ bền của cốt liệu bê tông nhựa bằng phương pháp sử dụng Natri Sulfat hoặc Magie Sulfat	Chấp nhận ASTM C88.	nt	2015	2016			
281.		Bê tông nhựa – mẫu thử nghiệm vệ hần bánh xe	Xây dựng mới, tham khảo Quyết định số 1617/QĐ – BGTVT, EN 12697-33, JTG_E20-2011	nt	2015	2016			
282.		Bê tông nhựa - Phương pháp thử nghiệm xác định độ thấm nước	Xây dựng mới/ tham khảo - EN 12697-19 - EN 12697-40	Viện Khoa học Công nghệ GTVT	2015	2016			
283.		Bê tông nhựa - Phương pháp thử nghiệm thu hồi nhựa đường từ dung dịch sau khi chiết bằng phương pháp Abson	Xây dựng mới, tham khảo - ASTM D1856 - AASHTO T170	Viện Khoa học Công nghệ GTVT	2015	2016			
284.		Bê tông nhựa - Phương pháp thử nghiệm xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	Xây dựng mới, tham khảo AASHTO T 326	nt	2015	2016			
285.		Nhựa đường - Phương pháp thử nghiệm xác định ảnh hưởng của nhiệt độ	Xây dựng mới, tham khảo - ASTM D1754 - AASHTO T179	nt	2015	2016			

		và không khí trên một màng mỏng quay TFOT							
286.		Nhựa đường - Phương pháp thử nghiệm xác định ảnh hưởng của nhiệt độ và không khí trên một màng mỏng quay RTFOT	Xây dựng mới, tham khảo - ASTM D2872 - AASHTO T240	nt	2015	2016			
287.		Áo đường mềm - yêu cầu thiết kế	Xây dựng mới, tham khảo 22TCN 211:06	nt	2015	2016			
288.		Màng biển báo phản quang	Soát xét TCVN 7887: 2008	Văn phòng Bộ GTVT	2015	2016			
289.		Bitum - phương pháp xác định độ hóa già của màng mỏng bitum dưới tác dụng của nhiệt độ và khí	Xây dựng mới, tham khảo EN 12607-1:2000; ASTM D2872-04 và AASHTO T240-09	Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2015	2016			
290.		Bitum - phương pháp xác định các đặc tính lưu biến sử dụng lưu biến kế cắt động	Xây dựng mới, tham khảo AASHTO T315	nt	2015	2016			
291.		Bitum - phương pháp xác định độ cứng chống uốn từ biến ở nhiệt độ thấp sử dụng lưu biến kế uốn dầm	Xây dựng mới, tham khảo AASHTO T313 – 08 và ASTM D6648 - 08	Đại học Công nghệ giao thông vận tải	2015	2016			
292.		Bitum - xác định đặc tính chống nứt ở nhiệt độ thấp bằng phương pháp kéo trực tiếp	Xây dựng mới, tham khảo AASHTO T314-11	nt	2015	2016			
293.		Bê tông nhựa - Xác định giá trị mô đun đàn hồi động (Resilient modulus)	Xây dựng mới, tham khảo ASTM D4123-82; AASHTO TP31-1996 và ASTM D7369 - 09	nt	2015	2016			

		sử dụng phương pháp kéo gián tiếp							
294.		Bê tông nhựa - phương pháp chiết tách bitum từ hỗn hợp bê tông nhựa	Xây dựng mới, tham khảo AASHTO T 319-08; ASTM D 2172/D 2712M – 11; AASHTO T164-11 và EN 12697-1:2012	nt	2015	2016			
295.		Vật liệu kê đường - phương pháp thí nghiệm tại hiện trường	Xây dựng mới, tham khảo ASTM 173	nt	2015	2016			
296.		Xác định chỉ số đưng lượng cát của cốt liệu mịn và đất – Phương pháp thử	Xây dựng mới, tham khảo AASHTO T176 và ASTM D 2419	Viện KHCN Giao thông Vận tải	2015	2016			
297.		Xác định hệ số thấm của đất rời bằng phương pháp cột nước không đổi	Xây dựng mới, tham khảo ASTM D2434 có bổ sung sửa đổi	nt	2015	2016			
298.		Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu sơn tín hiệu mặt đường bê tông xi măng	Xây dựng mới, tham khảo ASTM 6237-03, AASHTO M247 – 11, BS 6088:1981 có bổ sung, sửa đổi	nt	2015	2016			
299.		Yêu cầu quy định màu sắc của sơn vạch đường (YCKT & PPT)	Xây dựng mới, tham khảo ASTM 6628-03 có bổ sung, sửa đổi	Viện KHCN Giao thông Vận tải	2015	2016			
300.		Sơn bảo vệ công trình - Bột kẽm - YCKT và PPT	Xây dựng mới, tham khảo ASTM 520-00, EN ISO 3549-1995 có bổ sung, sửa đổi	nt	2015	2016			
301.		Sơn vecni Phương pháp xác định độ bền đối với chất lỏng (Phần 1: Phương pháp nhúng trong nước;	Xây dựng mới, tham khảo JIS K5600-6-1-1999, JIS K5600-6-2-1999, ISO 2812-1:2007, ISO 2812-2:2007 có bổ sung, sửa đổi	nt	2015	2016			

		Phần 2: Phương pháp nhúng trong chất lỏng khác)							
302.		Phương pháp thử nghiệm xác định độ hàn lún vệt bánh xe của mẫu bê tông nhựa nóng đã đầm nén bằng thiết bị Hamburg Wheel-Track	Xây dựng mới, tham khảo EN 12697-22 có bổ sung, sửa đổi	nt	2015	2016			
303.		Hệ thống thu phí điện tử không dừng (ETC) trên đường cao tốc	Xây dựng mới, tham khảo ISO/DIS 14817, ISO14906, EN 12253:2004	nt	2015	2016			
304.		Hệ thống giám sát, điều hành giao thông trên đường cao tốc	Xây dựng mới, tham khảo ISO 14813-1:2007, ISO/TR 14813-2:2000, ISO/IEC 11179	VP Bộ GTVT	2015	2016			
305.		Trung tâm điều hành giao thông đường cao tốc	Xây dựng mới, tham khảo ISO 14813-1:2007, ISO/TR 14813-2:2000, ISO/IEC 11179	nt	2015	2016			
306.		Giếng cát – Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	Xây dựng mới, tham khảo 22TCN-262:2000, JTJ 017-96 và JTG/T D31-02-2013;...	VP Bộ GTVT	2015	2016			

VI. BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Điện ảnh

307.		Bản phim nhựa lưu trữ - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	Xây dựng mới	Viện Phim Việt Nam	2015	2016			
------	--	---	--------------	--------------------	------	------	--	--	--

Thư viện

308.		Hoạt động thư viện- Thuật ngữ và định nghĩa về sản phẩm và dịch vụ thư viện	Xây dựng mới	Thư viện Quốc gia Việt Nam	2015	2016			
309.		Hoạt động thông tin- thư viện - Bộ chỉ số đánh giá hoạt động thông tin-thư viện	Xây dựng trên cơ sở chấp nhận ISO 11620:2008	Vụ Thư viện	2015	2016			
Thể dục, thể thao									
310.		Xà đơn	Xây dựng mới	Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng	2015	2016			
311.		Xà kép	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
312.		Thiết bị luyện tập tại chỗ - Thiết bị tập sức mạnh - Yêu cầu an toàn riêng bổ sung và phương pháp thử	Chấp nhận ISO 20957 - 2:2005	Trung tâm HLTTQG TP. Hồ Chí Minh	2015	2016			
313.		Thiết bị luyện tập tại chỗ - Ghế dài tập sức mạnh - Yêu cầu an toàn riêng bổ sung và phương pháp thử	Chấp nhận ISO 20957- 4:2005	nt	2015	2016			
<u>VII. BỘ CÔNG THƯƠNG</u>									
Dệt may									
314.		Vật liệu dệt. Phương pháp xác định độ bền màu – Phần B01: Độ bền màu với ánh sáng ban ngày	Chấp nhận ISO 105- B01:1994/Amd 1:1998	Viện Dệt May	2015	2016			
315.		Vật liệu dệt. Phương pháp xác định độ bền màu- Phần X10:	Chấp nhận ISO 105- X10:1993	nt	2015	2016			

		Đánh giá sự di trú màu từ vật liệu dệt sang lớp phủ polyvinyl clorua							
316.		Vật liệu dệt. Xác định độ truyền qua hoặc ngăn chặn bức xạ cực tím gây ban đỏ quá vải	Chấp nhận AATCC 183:2010	nt	2015	2016			
317.		Vật liệu dệt. Xác định độ phẳng đường may trên vải sau khi giặt gia dụng nhiều lần	Chấp nhận AATCC 88B:2011	nt	2015	2016			
318.		Vật liệu dệt. Xác định độ duy trì nếp gấp trên vải sau giặt gia dụng nhiều lần	Chấp nhận AATCC 88C:2011	nt	2015	2016			
319.		Vật liệu dệt. Phương pháp xác định độ bền màu – Đánh giá sự di trú màu từ vải sang vải trong quá trình bảo quản	Chấp nhận AATCC 163:2013	nt	2015	2016			
320.		Vật liệu dệt. Phương pháp xác định độ bền màu – Phần B08: Đánh giá chất lượng của vật liệu chuẩn len xanh từ 1-7	Chấp nhận ISO 105-B08:1995/Amd 1: 2009	Viện Dệt May	2015	2016			
321.		Vật liệu dệt. Phương pháp thử tiêu chuẩn xác định độ co sợi	Chấp nhận ASTM D 2259-02: 2011	nt	2015	2016			
322.		Vật liệu dệt. Phương pháp xác định độ bền màu – Phần A06: Xác định cường độ màu của	Chấp nhận ISO 105-A06:1995	nt	2015	2016			

		chuẩn 1/1/ bảng thiết bị							
323.		Vật liệu dệt. Phương pháp xác định độ bền màu – Phần E12: Độ bền màu với cán: Phương pháp cán kiểm	Chấp nhận ISO 105-E12:2010	nt	2015	2016			
324.		Vật liệu dệt - Phương pháp xác định các phtalat	Chấp nhận hoàn toàn Tiêu chuẩn EN 15777:2009	nt	2015	2016			
325.		Yêu cầu kỹ thuật - Vải may mặc có khả năng thoát hơi nước	Chấp nhận hoàn toàn Tiêu chuẩn BS 7209: 1990	nt	2015	2016			
326.		Vật liệu dệt - Phương pháp thử độ bền màu - Phần B07: Độ bền màu với ánh sáng của vật liệu dệt ngâm ướt mồ hôi nhân tạo	Chấp nhận hoàn toàn Tiêu chuẩn ISO 105-B07: 2009	nt	2015	2016			
327.		Điều tra và phát triển rầy xanh hai chấm hại cây bông	Xây dựng mới	Viện Nghiên cứu bông và phát triển nông nghiệp Nha Hồ	2015	2016			
Cơ khí									
328.		Van – Yêu cầu thử lửa	Xây dựng mới	Viện Nghiên cứu Cơ khí	2015	2016			
329.		Bơm và cụm bơm chất lỏng - Thử độ ồn – Cấp chính xác 2 và cấp chính xác 3	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
330.		Bơm ly tâm kiểu đầu hút (áp suất danh nghĩa 16 bar) – Ký hiệu, điểm phụ tải	Xây dựng mới	nt	2015	2016			

		danh nghĩa và kích thước							
331.		Bơm ly tâm kiểu đầu hút – Kích thước của các lỗ dùng cho vòng làm kín cơ khí và vòng bít mềm	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
332.		Bơm ly tâm kiểu đầu hút – Tâm đế và kích thước lắp đặt	Xây dựng mới	nt	2015	2016			
333.		Kính phẳng tôi hóa	Xây dựng mới dựa trên ASTM C1422/C1422M; BS EN 12337-2:2004	nt	2015	2016			
Chợ									
334.		Chợ kinh doanh thực phẩm	Xây dựng mới	Vụ thị trường trong nước	2015	2016			
Quặng, Khoáng sản									
335.		Thiết kế nhà máy tuyển nổi quặng kim loại màu	Xây dựng mới	Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ - Luyện kim	2015	2016			
<u>VIII. BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ</u>									
Điều kiện kiểm và an toàn máy cắt kim loại									
336.		Máy công cụ - Điều kiện kiểm cho máy phay kiểu cầu - Kiểm độ chính xác- Phần 1: Máy kiểu cầu (kiểu công) cố định	Chấp nhận ISO 8636-1:2000	Viện TCCLVN	2015	2015			
337.		Máy công cụ - Điều kiện kiểm cho máy	Chấp nhận ISO 8636-2:2007	nt	2015	2015			

		phay kiểu cầu - Kiểm độ chính xác – Phần 2: Máy kiểu cầu (kiểu khung giàn) di động							
338.		Điều kiện kiểm cho máy phóng xung điện ăn mòn chép hình (EDM) – Thuật ngữ và kiểm độ chính xác – Phần 1: Máy có trụ máy đơn (kiểu bàn máy dẫn hướng ngang và kiểu bàn máy cố định)	Chấp nhận ISO 11090-1:1998	nt	2015	2015			
339.		Điều kiện kiểm cho máy phóng xung điện ăn mòn chép hình (EDM) – Thuật ngữ và kiểm độ chính xác – Phần 2: Máy có trụ máy kép (kiểu ụ di trượt và kiểu bàn máy dẫn hướng ngang)	Chấp nhận ISO 11090-2:1998	nt	2015	2015			
340.		Điều kiện nghiệm thu đối với máy chuốt bề mặt kiểu thẳng đứng – Kiểm độ chính xác	Chấp nhận ISO 6481:1981	Viện TCCLVN	2015	2015			
341.		Điều kiện nghiệm thu đối với máy chuốt trong kiểu thẳng đứng – Kiểm độ chính xác	Chấp nhận ISO 6779:1981	nt	2015	2015			
342.		Tiếng ồn phát ra do máy công cụ - Điều	Chấp nhận ISO 8525:2008	nt	2015	2015			

		kiện vận hành đối với các máy cắt kim loại							
343.		Máy công cụ - An toàn – Máy tiện	Soát xét TCVN 5185:1990 (ST SEV 500-77) Chấp nhận ISO 23125:2010/Amend 1:2012	nt	2015	2015			
344.		Máy công cụ - An toàn – Máy phóng xung điện	Chấp nhận ISO 28881:2013/Cor 1:2013	nt	2015	2015			
Máy nén khí, thiết bị khí nén và không khí nén									
345.		Máy nén khí và thiết bị khí nén - Tủ vung - Phần 3: Dụng cụ và thiết bị nén	Chấp nhận ISO 3857-3:1989	Viện TCCLVN	2015	2015			
346.		Dụng cụ và thiết bị nén - Tủ vung	Chấp nhận ISO 5391:2003	nt	2015	2015			
347.		Dụng cụ thủy lực - Tủ vung	Chấp nhận ISO 17066:2007	nt	2015	2015			
348.		Không khí nén - Phần 1: Phân loại chất gây ô nhiễm và tinh khiết	Chấp nhận ISO 8573-1:2010	nt	2015	2015			
349.		Không khí nén - Phần 2: Phương pháp thử đối với hàm lượng huyền phù dầu	Chấp nhận ISO 8573-2:2007	Viện TCCLVN	2015	2015			
350.		Không khí nén - Phần 3: Phương pháp thử đo độ ẩm	Chấp nhận ISO 8573-3:1999	nt	2015	2015			
351.		Không khí nén - Phần 4: Phương pháp thử hàm lượng hạt rắn	Chấp nhận ISO 8573-4:2001	nt	2015	2015			

352.		Không khí nén - Phần 5: Phương pháp thử hàm lượng hơi dầu và dung môi hữu cơ	Chấp nhận ISO 8573-5:2001	nt	2015	2015			
353.		Không khí nén - Phần 6: Phương pháp thử hàm lượng khí ô nhiễm	Chấp nhận ISO 8573-6:2003	nt	2015	2015			
354.		Không khí nén - Phần 8: Phương pháp thử hàm lượng hạt rắn bằng nồng độ khối lượng	Chấp nhận ISO 8573-8:2004	nt	2015	2015			
355.		Không khí nén - Phần 9: Phương pháp thử hàm lượng nước trạng thái lỏng	Chấp nhận ISO 8573-9:2004	nt	2015	2015			
Dụng cụ cắt – dao tiện, dao phay ngón									
356.		Thân dao tiện và dao bào- Hình dáng và kích thước của tiết diện	Chấp nhận ISO 241:1994	Viện TCCLVN	2015	2015			
357.		Thử nghiệm tuổi thọ dụng cụ với dao tiện đơn điểm.	Chấp nhận ISO 3685:1993	Viện TCCLVN	2015	2015			
358.		Dao phay ngón có lót phân độ - Phần 1: Dao phay ngón với chuôi trụ phẳng.	Chấp nhận ISO 6262-1:2013	nt	2015	2015			
359.		Dao phay ngón có lót phân độ - Phần 2: Dao phay ngón với chuôi côn Morse.	Chấp nhận ISO 6262-2:2013	nt	2015	2015			

360.		Phân loại và ứng dụng vật liệu cắt cứng cho việc cắt kim loại bằng lưỡi cắt xác định. Kí hiệu nhóm chính và và nhóm ứng dụng	Chấp nhận ISO 513:2012	nt	2015	2015			
361.		Bộ gá kẹp dụng cụ dùng cho dao tiện trong có chuỗi trụ - Phần 1: Kí hiệu, kiểu dáng, kích thước và phép tính hiệu chỉnh	Chấp nhận ISO 5609-1:2012	nt	2015	2015			
362.		Dao phay ngón có đầu kim loại cứng rãnh xoắn được mạ đồng. Phần 1: Kích thước của dao phay ngón có chuỗi thẳng	Chấp nhận ISO 10145-1:1993	nt	2015	2015			
363.		Dao phay ngón có đầu kim loại cứng rãnh xoắn được mạ đồng- Phần 2: kích thước dao phay ngón có chuôi	Chấp nhận ISO 10145-2:1993	Viện TCCLVN	2015	2015			
364.		Dao phay ngón bằng kim loại cứng nguyên khối – Kích thước	Chấp nhận ISO 10911:2010	Nt	2015	2015			
365.		Dao phay – Kí hiệu – Dạng chuỗi và dạng lỗ của dao phay nguyên khối hoặc đặc	Chấp nhận ISO 11529:2013	Nt	2015	2015			

		hoặc có lưỡi cắt phân độ							
366.		Dao phay ngón có mũi cầu liền khối chuôi trụ được chế tạo bằng vật liệu các bit hoặc gôm	Chấp nhận ISO 15917:2012	Nt	2015	2015			
367.		Dao phay ngón có bán kính góc lượn và chuôi trụ được làm vật liệu cắt cứng-kích thước	Chấp nhận ISO 22037:2007	Nt	2015	2015			
368.		Các sản phẩm mài-Yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 525:2013	Nt	2015	2015			
369.		Các sản phẩm mài-Kích thước- Phần 1: Bánh mài dùng cho mài trụ ngoài nằm giữa hai mũi tâm	Chấp nhận ISO 603-1:1999	Nt	2015	2015			

Cần trục									
370.		Cần trục – Kiểm tra – Phần 1: Quy định chung	Chấp nhận ISO 9927-1:2013	Viện TCCLVN	2015	2015			
371.		Cần trục – Kiểm tra – Phần 3: Cần trục tháp	Chấp nhận ISO 9927-3:2005	Nt	2015	2015			
372.		Cần trục – Dung sai bánh xe và ray – Phần 1: Quy định chung	Chấp nhận ISO 12488-1:2012/	Nt	2015	2015			
373.		Cần trục – Dung sai bánh xe và ray – Phần 4: Cần trục kiểu cần	Chấp nhận ISO 12488-4:2012/	Nt	2015	2015			
374.		Cần trục – Độ cứng –	Chấp nhận	Nt	2015	2015			

		Cầu trục và công trục	ISO 22986:2007						
375.		Cần trục và tời nâng – Lựa chọn cáp thép – Trống và puly	Chấp nhận ISO 16625:2013	Nt	2015	2015			
376.		Cần trục – Tính toán thiết kế bánh xe chạy trên ray và kết cấu đỡ ray cho xe con tương ứng - Phần 1: Yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 16881- 1:2005	Nt	2015	2015			
Quy trình hàn và phân loại khuyết tật hình học ở kim loại									
377.		Hàn và các quá trình liên quan - Phân loại khuyết tật hình học ở kim loại- Phần 1: Hàn nóng chảy	Soát xét TCVN6115-1:2005 (ISO 6520-1 : 1998); Chấp nhận ISO 6520 -1: 2007	Viện TCCLVN	2015	2015			
378.		Hàn và các quá trình liên quan - Phân loại khuyết tật hình học ở kim loại- Phần 2: Hàn áp lực	Chấp nhận ISO 6520 -2: 2013	Nt	2015	2015			
379.		Đặc tính kỹ thuật và trình độ chuyên môn của quy trình hàn vật liệu kim loại - Thử quy trình hàn - Phần 1 : Hàn hơi và hàn hồ quang thép và hàn hồ quang niken và hợp kim ni ken	Soát xét TCVN 6834-3:2001 (ISO 9956-3:1995); Chấp nhận ISO 15614-1: 2004/ Cor 1: 2005 Amd 1: 2008	Viện TCCLVN	2015	2015			
380.		Đặc tính kỹ thuật và trình độ chuyên môn của quy trình hàn vật	Soát xét TCVN 6834-4:2001 (ISO 9956-4:1995)	Nt	2015	2015			

		liệu kim loại - Thử quy trình hàn - Phần 2 : Hàn hồ quang nhôm và hợp kim nhôm	Chấp nhận ISO 15614-2: 2005 Cor 1: 2005 Cor 2: 2009						
381.		Đặc tính kỹ thuật và trình độ chuyên môn của quy trình hàn vật liệu kim loại - Thử quy trình hàn - Phần 3 : Hàn nóng chảy gang đúc không hợp kim và hợp kim thấp	Chấp nhận ISO 15614- 3: 2008	Nt	2015	2015			
382.		Đặc tính kỹ thuật và trình độ chuyên môn của quy trình hàn vật liệu kim loại - Thử quy trình hàn - Phần 4 : Hàn hoàn thiện vật đúc bằng nhôm	Chấp nhận ISO 15614- 4: 2005 Cor 1: 2007	Nt	2015	2015			
383.		Đặc tính kỹ thuật và trình độ chuyên môn của quy trình hàn vật liệu kim loại - Thử quy trình hàn - Phần 5 : Hàn hồ quang titan, zircon và hợp kim của chúng	Chấp nhận ISO 15614- 5: 2004	Viện TCCLVN	2015	2015			
384.		Đặc tính kỹ thuật và trình độ chuyên môn của quy trình hàn vật liệu kim loại - Thử quy trình hàn - Phần 6 : Hàn hơi và hàn hồ	Chấp nhận ISO 15614- 6: 2006	Nt	2015	2015			

		quang đồng và hợp kim đồng							
385.		Đặc tính kỹ thuật và trình độ chuyên môn của quy trình hàn vật liệu kim loại - Thử quy trình hàn -Phần 7 : Hàn phủ	Chấp nhận ISO 15614- 7: 2007	Nt	2015	2015			
386.		Đặc tính kỹ thuật và trình độ chuyên môn của quy trình hàn vật liệu kim loại - Thử quy trình hàn - Phần 8 : Hàn ống vào môi nối ống- tấm	Chấp nhận ISO 15614- 8: 2002	Nt	2015	2015			
387.		Đặc tính kỹ thuật và trình độ chuyên môn của quy trình hàn vật liệu kim loại - Thử quy trình hàn -Phần 10 : Hàn khô hyperbaric	Chấp nhận ISO 15614- 10: 2005	Nt	2015	2015			
388.		Đặc tính kỹ thuật và trình độ chuyên môn của quy trình hàn vật liệu kim loại - Thử quy trình hàn -Phần 11 : Hàn chùm tia laze và điện tử	Chấp nhận ISO 15614- 11: 2002	Viện TCCLVN	2015	2015			
Thang máy									
389.		Yêu cầu an toàn về	Chấp nhận	Viện	2015	2015			

		cấu tạo và lắp đặt thang máy – Thang máy cho chở người và hàng - Phần 21: Thang máy chở người và thang máy chở người và hàng mới trong các toà nhà đang sử dụng	EN 81-21:2009/Amd 1:2012	TCCLVN					
390.		Yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp đặt thang máy – Thang máy hiện có – Nguyên tắc nâng cao khả năng tiếp cận thang máy đối với người bao gồm cả người khuyết tật	Chấp nhận EN 81-82:2009	Nt	2015	2015			
391.		Yêu cầu an toàn về cấu tạo và lắp đặt thang máy - Ứng dụng riêng cho thang máy chở người và thang máy chở người và hàng Phần 77: Thang máy trong điều kiện động đất	Chấp nhận EN 81-77:2013	Nt	2015	2015			
Hệ thống lạnh và bơm nhiệt									
392.		Hệ thống lạnh và bơm nhiệt – Yêu cầu an toàn và môi trường	soát xét TCVN 6104:1996 ISO 5149:1993 Chấp nhận	Viện TCCLVN	2015	2015			

		- Phần 1: Định nghĩa, phân loại và tiêu chí lựa chọn	ISO 5149-1:2014						
393.		Hệ thống lạnh và bơm nhiệt – Yêu cầu an toàn và môi trường- Phần 2: Thiết kế, kết cấu, thử nghiệm, nhãn mác và tài liệu	soát xét TCVN 6104:1996 ISO 5149:1993 Chấp nhận ISO 5149-2:2014	Nt	2015	2015			
394.		Hệ thống lạnh và bơm nhiệt –Yêu cầu an toàn và môi trường- Phần 3: Vị trí lắp đặt	soát xét TCVN 6104:1996 ISO 5149:1993 Chấp nhận ISO 5149-3:2014	Nt	2015	2015			
395.		Hệ thống lạnh và bơm nhiệt – Yêu cầu an toàn và môi trường- Phần 4: Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa và hồi phục	Soát xét TCVN 6104:1996 ISO 5149:1993 Chấp nhận ISO 5149-4:2014	Viện TCCLVN	2015	2015			
396.		Môi chất lạnh – Ký hiệu và phân loại an toàn	Soát xét TCVN 6739:2008 ISO 817:2005 Chấp nhận ISO 817:2014	Nt	2015	2015			
397.		Hệ thống lạnh và bơm nhiệt – Các chi tiết ống mềm, bộ giảm chấn, mối nối co giãn và các ống phi kim loại – Yêu cầu và phân loại	Chấp nhận ISO 13971:2012	Nt	2015	2015			

398.		Hệ thống làm lạnh và bơm nhiệt – Chất lượng độ kín khít của các bộ phận và các mối nối	Chấp nhận ISO 14903:2012	Nt	2015	2015			
399.		Đặc tính môi chất lạnh	Chấp nhận ISO 17584:2005	Nt	2015	2015			
Tài liệu kỹ thuật cho sản phẩm									
400.		Bản vẽ kỹ thuật – Nguyên lý chung về trình bày – Phần 1: Giới thiệu và chỉ số	Chấp nhận ISO 128-1:2003	Viện TCCLVN	2015	2015			
401.		Tài liệu kỹ thuật cho sản phẩm – Kiểu chữ - Phần 4: Các dấu phụ và dấu đặc biệt cho bảng chữ cái Latin	Chấp nhận ISO 3098-4:2000	Nt	2015	2015			
402.		Tài liệu kỹ thuật cho sản phẩm - Ghi kích thước và dung sai - Phần 4: Kích thước của bản vẽ trong ngành đóng tàu	Chấp nhận ISO 129-4:2013	Viện TCCLVN	2015	2015			
403.		Tài liệu kỹ thuật cho sản phẩm – Từ vựng – Thuật ngữ liên quan đến bản vẽ kỹ thuật, định nghĩa sản phẩm và tài liệu liên quan	Chấp nhận ISO 10209:2012	Nt	2015	2015			
Máy lâm nghiệp và máy làm vườn cầm tay									
404.		Máy lâm nghiệp - Cưa xích cầm tay - Từ vựng	Chấp nhận ISO 6531:2008	Viện TCCLVN	2015	2015			

405.		Máy lâm nghiệp -- Máy cắt cỏ và máy làm vườn-- Tủ vụng	Chấp nhận ISO 7112:2008	Nt	2015	2015			
406.		Máy lâm nghiệp - Máy thu hoạch bông - Lưỡi cắt đơn.	Chấp nhận ISO 7113:1999	Nt	2015	2015			
407.		Máy lâm nghiệp - Yêu cầu an toàn chung..	ISO 11850:2011	Nt	2015	2015			
408.		Máy lâm nghiệp – Hệ thống bảo vệ cửa xích – Phương pháp thử và chỉ tiêu tính năng	Chấp nhận ISO 11837:2011	Nt	2015	2015			

Ống thép									
409.		Ống thép sử dụng cho dẫn nước và dẫn nước thải	Chấp nhận ISO 559:1991	Viện TCCLVN	2015	2015			
410.		Ống thép không hàn đầu bằng chính xác - Điều kiện kỹ thuật cung cấp	Chấp nhận ISO 3304:1985	Nt	2015	2015			
411.		Ống thép hàn đầu bằng chính xác - Điều kiện kỹ thuật cung cấp	Chấp nhận ISO 3305:1985	Nt	2015	2015			
412.		Ống thép cỡ chính xác như không hàn đầu bằng - Điều kiện kỹ thuật cung cấp	Chấp nhận ISO 3306:1985	Nt	2015	2015			
413.		Ống thép - Chuẩn bị đầu cho ống và phụ tùng để hàn	Chấp nhận ISO 6761:1981	Nt	2015	2015			
414.		Ống thép - Ghi nhãn liên tục và mã màu sắc đối với vật liệu nhận dạng	Chấp nhận ISO 9095:1990	Nt	2015	2015			
415.		Thép hạt mịn và không hợp kim kết cấu hàn được cán nguội có mặt cắt rộng - Phần 1: Điều kiện kỹ thuật cung cấp	Chấp nhận ISO 10799-1:2011	Nt	2015	2015			
416.		Thép hạt mịn và không hợp kim kết cấu hàn được cán	Chấp nhận ISO 10799-2:2011	Nt	2015	2015			

		nguồn có mặt cắt rỗng - Phần 2: Kích thước và mặt cắt							
417.		Thép hạt mịn và không hợp kim kết cấu hoàn thiện nóng có mặt cắt rỗng - Phần 1: Điều kiện kỹ thuật cung cấp	Chấp nhận ISO 12633-1:2011	Viện TCCLVN	2015	2015			
418.		Thép hạt mịn và không hợp kim kết cấu hoàn thiện nóng có mặt cắt rỗng - Phần 2: Kích thước và mặt cắt	Chấp nhận ISO 12633-2:2011	Nt	2015	2015			
Hệ thống báo cháy									
419.		Hệ thống báo cháy - Phần 3: Thiết bị báo động âm thanh	Chấp nhận ISO 7240-3:2010	Viện TCCLVN	2015	2015			
420.		Hệ thống báo cháy – Phần 7: Bộ phát hiện khói kiểu điểm sử dụng ánh sáng phân tán, ánh sáng truyền hoặc ion hóa.	Chấp nhận ISO 7240-7:2011	Nt	2015	2015			
421.		Hệ thống báo cháy - Phần 8: Đầu báo cháy carbon monoxit sử dụng tế bào điện hoá. kết hợp với cảm biến (sensor) nhiệt	Chấp nhận ISO 7240-8:2007	Nt	2015	2015			
422.		Hệ thống báo cháy -	Chấp nhận	Nt	2015	2015			

		Phần 9: Thư cháy đối với đầu báo cháy	ISO/TS 7240-9:2012						
423.		Hệ thống báo cháy - Phần 10: Đầu báo cháy lửa kiểu điểm	Chấp nhận ISO 7240-10:2012	Viện TCCLVN	2015	2015			
424.		Hệ thống báo cháy - Phần 11: Hộp ấn nút báo cháy bằng tay	Chấp nhận ISO 7240-11:2011	Nt	2015	2015			
425.		Hệ thống báo cháy - Phần 12: Báo khói loại đường sử dụng tia quang học chuyên tiếp	Chấp nhận ISO 7240-12:2014	Nt	2015	2015			
426.		Hệ thống báo cháy - Phần 13: Đánh giá so sánh các thành phần của hệ thống	Chấp nhận ISO 7240-13:2005	Nt	2015	2015			
427.		Hệ thống báo cháy - Phần 14: Hướng dẫn xây dựng quy định thực hành để thiết kế, lắp đặt và sử dụng hệ thống báo cháy bên trong và xung quanh công trình	Chấp nhận ISO 7240-14:2013	Nt	2015	2015			
428.		Hệ thống báo cháy - Phần 15: Phát hiện cháy kiểu điểm sử dụng ánh	Chấp nhận ISO 7240-15:2004 Cor 1:2005	Nt	2015	2015			

		sáng tán xạ, ánh sáng truyền qua hoặc cảm biến ion hóa kết hợp với cảm biến nhiệt							
Sản phẩm thép									
429.		Sản phẩm thép tấm phẳng giới hạn chảy cao - Phần 1: Yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 4950-1:1995/Amd 1:2003	Viện TCCLVN	2015	2015			
430.		Sản phẩm thép tấm phẳng giới hạn chảy cao - Phần 2: Sản phẩm cung cấp trong điều kiện thường hóa hoặc kiểm soát quá trình cán	Chấp nhận ISO 4950-2:1995/Amd 1:2003	Nt	2015	2015			
431.		Sản phẩm thép tấm phẳng giới hạn chảy cao - Phần 3: Sản phẩm cung cấp trong điều kiện xử lý nhiệt (tôi + ram)	Chấp nhận ISO 4950-3:1995/Amd 1:2003	Nt	2015	2015			
432.		Thép tấm cacbon cán nóng xác định tính chất bằng thành phần hóa học	Chấp nhận ISO 10384:2012	Nt	2015	2015			
433.		Thép tấm cacbon phủ thiếc điện phân cán nóng và cán nguội chất lượng thương mại và đập vuốt	Chấp nhận ISO 5002:2013	Nt	2015	2015			
434.		Thép tấm cán nóng giới hạn chảy cao với	Chấp nhận ISO 5951:2013	Nt	2015	2015			

		khả năng tạo hình cải thiện							
435.		Thép tấm và tấm rộng giới hạn chảy cao dùng cho tạo hình nguội - Phần 1: Điều kiện cung cấp cho thép cán cơ nhiệt	Chấp nhận ISO 6930-1:2001	Viện TCCLVN	2015	2015			
436.		Thép tấm và tấm rộng giới hạn chảy cao dùng cho tạo hình nguội - Phần 2: Điều kiện cung cấp cho thép thường hóa, cán thường hóa, như được cán	Chấp nhận ISO 6930-2:2004	Nt	2015	2015			
437.		Thép thanh và thép hình giới hạn chảy cao - Phần 1: Yêu cầu cung cấp chung	Chấp nhận ISO 4951-1:2001	Nt	2015	2015			
438.		Thép thanh và thép hình giới hạn chảy cao - Phần 2: Điều kiện cung cấp cho thép thường hóa, cán thường hóa và như cán	Chấp nhận ISO 4951-2:2001	Nt	2015	2015			
439.		Thép thanh và thép hình giới hạn chảy cao - Phần 3: Điều kiện cung cấp cho thép cán cơ nhiệt	Chấp nhận ISO 4951-3:2001	Nt	2015	2015			
440.		Dây thép không hợp	Chấp nhận	Nt	2015	2015			

		kim cho biến đổi thành dây - Phần 1: Yêu cầu chung	ISO 16120-1:2011						
441.		Dây thép không hợp kim cho biến đổi thành dây - Phần 2: Yêu cầu quy định cho mục đích chung của dây	Chấp nhận ISO 16120-2:2011	Nt	2015	2015			
442.		Dây thép không hợp kim cho biến đổi thành dây - Phần 3: Yêu cầu quy định cho viên và viên thay thế, dây thép cacbon thấp	Chấp nhận ISO 16120-3:2011	Nt	2015	2015			
443.		Dây thép không hợp kim cho biến đổi thành dây - Phần 4: Yêu cầu quy định cho dây trong các điều kiện đặc biệt	Chấp nhận ISO 16120-4:2011	Nt	2015	2015			
444.		Thép và sản phẩm thép - Hồ sơ kiểm tra.	Chấp nhận ISO 10474:2013	Nt	2015	2015			
Phương tiện giao thông đường bộ									
445.		Mô tô - Phương pháp đo xác định vận tốc lớn nhất	soát xét TCVN 6011:2008 ISO 7117:1995; Chấp nhận ISO 7117:2010	Viện TCCLVN	2015	2015			
446.		PTGTĐB - Khí thải CO ₂ và tiêu thụ nhiên liệu của ô tô con lắp động cơ đốt trong -	soát xét TCVN 7792:2007 Tham khảo ECE 101	Nt	2015	2015			

		YC và PPT trong phê duyệt kiểu							
447.		PTGTĐB – Động cơ cháy do nén, động cơ cháy cưỡng bức sử dụng khí dầu mỏ hóa lỏng và động cơ sử dụng khí tự nhiên lắp trên ô tô – Yêu cầu và PPT khí thải ô nhiễm trong phê duyệt kiểu.	soát xét TCVN 6567:2006 Tham khảo ECE 49	Viện TCCLVN	2015	2015			
448.		PTGTĐB – Phát thải chất gây ô nhiễm từ ô tô do nhiên liệu dùng cho động cơ – YC và PPT trong phê duyệt kiểu	soát xét TCVN 6785:2006 Tham khảo ECE 83	Nt	2015	2015			
449.		Mô tô hai bánh – Định vị trí của thiết bị tín hiệu và thiết bị chiếu sáng	Chấp nhận ISO 11460:2007	Nt	2015	2015			
450.		Mô tô – Phanh và hệ thống phanh – Phương pháp đo và thử	Chấp nhận ISO 8710:2010	Nt	2015	2015			
451.		PTGTĐB – Vật liệu kính an toàn – Yêu cầu và phương pháp thử trong phê duyệt kiểu	Tham khảo ECE 43	Nt	2015	2015			
452.		Động cơ diezen – Đánh giá độ làm sạch	Chấp nhận ISO 12345:2013	Nt	2015	2015			

		thiết bị phun nhiên liệu							
453.		Mô tả – Phương pháp đo khí thải phát trong kiểm tra hoặc bảo dưỡng	Chấp nhận ISO 17479:2013	Viện TCCLVN	2015	2015			
Thiết bị hàn									
454.		Thiết bị hàn hồ quang – Phần 2: Hệ thống làm mát bằng chất lỏng	Chấp nhận IEC 60974-2 Edition 3.0 (2013-01)	Viện TCCLVN	2015	2015			
455.		Thiết bị hàn hồ quang – Phần 3: Môi hồ quang và ổn định thiết bị	Chấp nhận IEC 60974-3 Edition 3.0 (2013-11)	Nt	2015	2015			
456.		Thiết bị hàn hồ quang – Phần 4: Kiểm tra định kỳ và thử nghiệm	Chấp nhận IEC 60974-4 Edition 2.0 (2010-08)	Nt	2015	2015			
457.		Thiết bị hàn hồ quang – Phần 5: Bộ cấp nối dây	Chấp nhận IEC 60974-5 Edition 3.0 (2013-05)	Nt	2015	2015			
458.		Thiết bị hàn hồ quang – Phần 6: Thiết bị giới hạn tải	Chấp nhận IEC 60974-6 Edition 2.0 (2010-11)	Nt	2015	2015			
459.		Thiết bị hàn hồ quang – Phần 7: Đầu hàn	Chấp nhận IEC 60974-7 Edition 3.0 (2013-01)	Nt	2015	2015			
460.		Thiết bị hàn hồ quang – Phần 8: Công xôn khí dùng cho hệ thống hàn và cắt plasma	Chấp nhận IEC 60974-8 Edition 2.0 (2009-02)	Nt	2015	2015			

461.		Thiết bị hàn hồ quang – Phần 9: Lắp đặt và sử dụng	Chấp nhận IEC 60974-9 Edition 1.0 (2010-01)	Viện TCCLVN	2015	2015			
462.		Thiết bị hàn hồ quang – Phần 10: Yêu cầu tương thích điện từ (EMC)	Chấp nhận IEC 60974-10 Edition 3.0 (2014-02)	Nt	2015	2015			
463.		Thiết bị hàn hồ quang – Phần 11: Kim hàn	Chấp nhận IEC 60974-11 Edition 3.0 (2010-07)	Nt	2015	2015			
464.		Thiết bị hàn hồ quang – Phần 12: Khớp nối cho cáp hàn	Chấp nhận IEC 60974-12 Edition 3.0 (2011-05)	Nt	2015	2015			
465.		Thiết bị hàn hồ quang – Phần 13: Kẹp hàn	Chấp nhận IEC 60974-13 Edition 1.0 (2011-05)	Nt	2015	2015			
Phối hợp cách điện									
466.		Phối hợp cách điện cho thiết bị trong hệ thống điện áp thấp - Phần 1: Các nguyên tắc, yêu cầu và thử nghiệm	Chấp nhận IEC 60664-1 Edition 2.0 (2007-04)	Viện TCCLVN	2015	2015			
467.		Phối hợp cách điện cho thiết bị trong hệ thống điện áp thấp - Phần 2-1: Hướng dẫn áp dụng – Giải thích việc áp dụng cho bộ IEC 60664, ví dụ kích thước và thử nghiệm điện môi	Chấp nhận IEC 60664-2-1 Edition 2.0 (2007-01)	Nt	2015	2015			
468.		Phối hợp cách điện	Chấp nhận	Nt	2015	2015			

		cho thiết bị trong hệ thống điện áp thấp - Phần 2-2: Xem xét mặt ghép nối – Hướng dẫn áp dụng	IEC 60664-2-2 Edition 1.0 (2002-01)						
469.		Phối hợp cách điện cho thiết bị trong hệ thống điện áp thấp - Phần 3: Sử dụng lớp phủ, bọc hoặc đúc để bảo vệ chống ô nhiễm	Chấp nhận IEC 60664-3 Edition 2.1 (2010-08)	Viện TCCLVN	2015	2015			
470.		Phối hợp cách điện cho thiết bị trong hệ thống điện áp thấp - Phần 4: Xem xét ứng suất điện áp cao tần	Chấp nhận IEC 60664-4 Edition 2 (2005-09)	Nt	2015	2015			
471.		Phối hợp cách điện cho thiết bị trong hệ thống điện áp thấp - Phần 5: Phương pháp toàn diện để xác định khe hở không khí và chiều dài đường rò nhỏ hơn hoặc bằng 2 mm	Chấp nhận IEC 60664-5 Edition 2 (2007-07)	Nt	2015	2015			
Thiết bị chiếu sáng									
472.		Tính năng của đèn điện – Phần 1: Yêu cầu chung	Chấp nhận IEC/PAS 62722-1 ed1.0 (2011-06)	Viện TCCLVN	2015	2015			
473.		Tính năng của đèn điện – Phần 2-1: Yêu cầu cụ thể đối với đèn LED	Chấp nhận IEC/PAS 62722-2-1 ed1.0 (2011-06)	Nt	2015	2015			

474.		Phương pháp đo điện và quang của sản phẩm chiếu sáng bán dẫn	Chấp nhận IES LM-79	Viện TCCLVN	2015	2015			
475.		Phương pháp đo độ duy trì quang thông của nguồn chiếu sáng LED	Chấp nhận IES LM-80	Nt	2015	2015			
An toàn điện trong môi trường khí dễ cháy nổ									
476.		Khí quyển nổ – Phần 0: Thiết bị - Yêu cầu chung	Chấp nhận IEC 60079-0 Edition 6.0 (2011-06)	Viện TCCLVN	2015	2015			
477.		Khí quyển nổ – Phần 1: Bảo vệ thiết bị bằng vỏ chống cháy “d”	Chấp nhận IEC 60079-1 Edition 7.0 (2014-04)	Nt	2015	2015			
Các phép thử cách điện									
478.		Cáp điện – Thử nghiệm trên vỏ bọc ngoài kiểu đùn có chức năng bảo vệ đặc biệt	Chấp nhận IEC 60229 ed3.0 (2007-10)	Viện TCCLVN	2015	2015			
479.		Thử nghiệm xung trên cáp và các phụ kiện cáp	Chấp nhận IEC 60230 ed1.0 (1966-01)	Nt	2015	2015			
480.		Giới hạn nhiệt độ ngắn mạch của cáp điện có điện áp danh	Chấp nhận IEC 60724 ed3.1 Consol. with am1 (2008-11)	Nt	2015	2015			

		định bằng 1 kV $U_m = 1,2$ kV) và 3 kV ($U_m = 3,6$ kV)							
481.		Giới hạn nhiệt độ ngắn mạch của cáp điện có điện áp danh định từ 6 kV $U_m = 7,2$ kV) đến 30 kV ($U_m = 36$ kV)	Chấp nhận IEC 60986 ed2.1 Consol. with am1 (2008-11)	Viện TCCLVN	2015	2015			
482.		Phương pháp thử nghiệm về điện đối với cáp điện – Phần 2 : Thử nghiệm phóng điện cục bộ	Chấp nhận IEC 60885-2 ed1.0 (1987-03)	Nt	2015	2015			
483.		Phương pháp thử nghiệm về điện đối với cáp điện – Phần 3 : Phương pháp thử nghiệm đối với các phép đo phóng điện cục bộ trên đoạn cáp điện kiểu đùn	Chấp nhận IEC 60885-3 ed1.0 (1988-07)	Nt	2015	2015			
484.		Cáp cách điện bằng giấy có vỏ bọc kim loại dùng cho điện áp danh định đến 18/30 kV (có ruột dẫn đồng hoặc nhôm và không kể cáp khí nén và cáp dầu) – Phần 1: Thử nghiệm trên cáp và phụ kiện cáp	Chấp nhận IEC 60055-1 ed5.1 Consol. with am1 (2005-05)	Nt	2015	2015			

Dây điện tử									
485.		Yêu cầu kỹ thuật đối các loại dây quấn cuộn thể - Phần 15: Sợi dây nhôm tròn có tráng men	Chấp nhận IEC 60317-15 Edition 3.1 (2010-06-16)	Viện TCCLVN	2015	2015			
486.		Yêu cầu kỹ thuật đối các loại dây quấn cuộn thể - Phần 20: Sợi dây đồng tròn có tráng men polyuretan có khả năng hàn, cấp 155	Chấp nhận IEC 60317-20 Edition 3.0 (2013-10-10)	Nt	2015	2015			
487.		Yêu cầu kỹ thuật đối các loại dây quấn cuộn thể - Phần 23: Sợi dây đồng tròn có tráng men polyesterimide có khả năng hàn, cấp 180	Chấp nhận IEC 60317-23 Edition 3.0 (2013-10-10)	Nt	2015	2015			
488.		Yêu cầu kỹ thuật đối các loại dây quấn cuộn thể - Phần 26: Sợi dây đồng tròn có tráng men polyamide-imide, cấp 200	Chấp nhận IEC 60317-26 Edition 2.0 (1990-10-15) Amendment 1:1997 Amendment 2:2010	Nt	2015	2015			
489.		Yêu cầu kỹ thuật đối các loại dây quấn cuộn thể - Phần 42: Sợi dây đồng tròn có tráng men polyamide-amide-imide, cấp 200	Chấp nhận IEC 60317-42 Edition 1.1 (2010-07-08)	Nt	2015	2015			

490.		Yêu cầu kỹ thuật đối các loại dây quần cụ thể - Phần 46: Sợi dây đồng tròn có tráng men polyimide có chứa vòng thơm, cấp 240	Chấp nhận IEC 60317-46 Edition 2.0 (2013-10-14)	Viện TCCLVN	2015	2015			
491.		Yêu cầu kỹ thuật đối các loại dây quần cụ thể - Phần 47: Sợi dây đồng chữ nhật có tráng men polyimide có chứa vòng thơm, cấp 240	Chấp nhận IEC 60317-47 Edition 2.0 (2013-10-14)	Nt	2015	2015			
492.		Yêu cầu kỹ thuật đối các loại dây quần cụ thể - Phần 51: Sợi dây đồng tròn có tráng men polyuretan có khả năng hàn, cấp 180	Chấp nhận IEC 60317-51 Edition 2.0 (2014-02-12)	Nt	2015	2015			
493.		Yêu cầu kỹ thuật đối các loại dây quần cụ thể - Phần 57: Sợi dây đồng tròn có tráng men polyamide-imde, cấp 220	Chấp nhận IEC 60317-57 Edition 1.0 (2010-08-06)	Nt	2015	2015			
494.		Yêu cầu kỹ thuật đối các loại dây quần cụ thể - Phần 58: Sợi dây đồng chữ nhật có tráng men polyamide-imde, cấp 220	Chấp nhận IEC 60317-58 Edition 1.0 (2010-08-06)	Nt	2015	2015			

Linh kiện điện tử									
495.		Điện trở cố định sử dụng trong các thiết bị điện tử – Phần 9: Qui định kỹ thuật từng phần: Hệ thống điện trở lắp đặt bề mặt cố định với các điện trở đo lường riêng	Chấp nhận IEC 60115-9 ed1.0 (2003-10)	Viện TCCLVN	2015	2015			
496.		Điện trở cố định sử dụng trong các thiết bị điện tử - Phần 9-1: Qui định chi tiết chỗ trống: bề mặt cố định gắn hệ thống điện trở với điện trở đo lường riêng – Mức đánh giá EZ	Chấp nhận IEC 60115-9-1 ed1.0 (2003-10)	Nt	2015	2015			
497.		Công nghệ lắp đặt bề mặt – Phần 1: Phương pháp tiêu chuẩn đối với qui định kỹ thuật của các linh kiện lắp đặt bề mặt (SMDs)	Chấp nhận IEC 61760-1 ed2.0 (2006-04)	Nt	2015	2015			
498.		Công nghệ lắp đặt bề mặt – Phần 2: Vận chuyển và điều kiện lưu kho của thiết bị lắp đặt bề mặt (SMD) – Hướng dẫn áp dụng	Chấp nhận IEC 61760-2 ed2.0 (2007-04)	Nt	2015	2015			
499.		Công nghệ lắp đặt bề	Chấp nhận	Nt	2015	2015			

		mặt - Phần 3: Phương pháp tiêu chuẩn cho các qui định kỹ thuật của linh kiện đối với việc hàn ngược qua lỗ (THR)	IEC 61760-3 ed1.0 (2010-03)						
500.		Các hệ thống đánh giá chất lượng - Phần 1: Ghi màu và phân tích các khuyết tật trên phần tấm mạch in	Chấp nhận IEC 61193-1 ed1.0 (2001-12)	Viện TCCLVN	2015	2015			
501.		Các hệ thống đánh giá chất lượng – Phần 2: Lựa chọn và sử dụng các kế hoạch lấy mẫu để kiểm tra các linh kiện điện tử và đóng gói	Chấp nhận IEC 61193-2 ed1.0 (2007-08)	Nt	2015	2015			
Phân loại điều kiện môi trường									
502.		Phân loại điều kiện môi trường – Phần 2-9: Điều kiện môi trường xuất hiện trong tự nhiên – dữ liệu đo được của rung và xóc – lưu kho, vận chuyển và trong sử dụng	Chấp nhận IEC 60721-2-9 ed1.0	Viện TCCLVN	2015	2015			
503.		Môđun quang điện mặt đất màng mỏng – Chất lượng thiết kế và kiểu phê duyệt	Chấp nhận IEC 61646 ed2.0 (2008-05)	Nt	2015	2015			

504.		Trường dữ liệu khí hậu bao gồm xác nhận	Chấp nhận IEC/TR 62130 ed1.0 (2012-09)	Viện TCCLVN	2015	2015			
505.		Điều kiện môi trường - Rung và xóc của thiết bị điện - Phần 1: Quy trình xác nhận dữ liệu động	Chấp nhận IEC/TR 62131-1 ed1.0 (2011-02)	Nt	2015	2015			
506.		Điều kiện môi trường - Rung và xóc của thiết bị điện - Phần 2: Thiết bị vận chuyển máy bay phản lực cánh cố định	Chấp nhận IEC/TR 62131-2 ed1.0 (2011-02)	Nt	2015	2015			
Bộ nối thiết bị điện gia dụng									
507.		Bộ nối thiết bị dùng trong gia dụng và các mục đích chung tương tự - Phần 1: Yêu cầu chung	Chấp nhận IEC 60320-1 Edition 2.1 (2007-11-27)	Viện TCCLVN	2015	2015			
508.		Bộ nối thiết bị dùng trong gia dụng và các mục đích chung tương tự - Phần 2-2: Bộ nối liên kết dùng cho thiết bị gia dụng và thiết bị tương tự	Chấp nhận IEC 60320-2-2 ed2.0 (1998-08)	Nt	2015	2015			
An toàn thiết bị điện gia dụng									
509.		Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - An toàn - Phần 2-99: Yêu cầu cụ thể đối với máy hút mùi	Chấp nhận IEC 60335-2-99 ed1.0 (2003-01)	Viện TCCLVN	2015	2015			

		điện dùng trong thương mại							
510.		Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - An toàn – Phần 2-100: Yêu cầu cụ thể đối với quạt gió làm vườn, máy hút bụi và máy hút bụi quạt gió được vận hành bằng nguồn lưới	Chấp nhận IEC 60335-2-100 ed1.0 (2002-09)	Viện TCCLVN	2015	2015			
511.		Thiết bị điện gia dụng và thiết bị điện tương tự - An toàn – Phần 2-109: Yêu cầu cụ thể đối với thiết bị xử lý nước bức xạ UV	Chấp nhận IEC 60335-2-109 ed1.1 Consol. with am1 (2013-12)	Nt	2015	2015			
512.		Phương pháp đo đối với trường điện từ của thiết bị gia dụng và thiết bị tương tự có liên quan đến phơi nhiễm con người	Chấp nhận IEC 62233 ed1.0 (2005-10)	Nt	2015	2015			
Cao su									
513.		Thử nghiệm cao su hỗn hợp - Chuẩn bị, trộn và lưu hóa - Thiết bị và cách tiến hành	Chấp nhận ISO 2393:2014	Viện TCCLVN	2015	2015			
514.		Cao su lưu hóa hoặc nhiệt dẻo – Sản phẩm chống tĩnh điện và dẫn điện – Xác định	Chấp nhận ISO 2878:2011	Nt	2015	2015			

		điện trở							
515.		Cao su - Hướng dẫn hiệu chuẩn thiết bị thử nghiệm	Chấp nhận ISO 18899: 2013	Viện TCCLVN	2015	2015			
516.		Latex cao su thiên nhiên cô đặc - Xác định trị số KOH	Chấp nhận ISO 127:2012	Nt	2015	2015			
517.		Latex cao su thiên nhiên cô đặc. Xác định độ kiềm	Chấp nhận ISO 125:2011	Nt	2015	2015			
518.		Latex, cao su. Xác định tổng hàm lượng chất rắn	Chấp nhận ISO 124:2014	Nt	2015	2015			
519.		Cao su thiên nhiên và các loại latex. Ký hiệu và tên gọi	Chấp nhận ISO 1629:2013	Nt	2015	2015			
520.		Cao su và chất dẻo. Polime phân tán và các loại latex cao su. Xác định pH	Chấp nhận ISO 976:2013	Nt	2015	2015			
521.		Cao su chưa lưu hoá - Phương pháp sử dụng nhớt kế đĩa trượt - Phần 1: Xác định độ nhớt Mooney	Chấp nhận ISO 289-1:2014	Nt	2015	2015			
Chất dẻo									
522.		Chất dẻo – Đúc ép mẫu thử vật liệu nhiệt dẻo	Chấp nhận ISO 293:2004	Viện TCCLVN	2015	2015			
523.		Chất dẻo – Đúc phun các mẫu thử từ các vật liệu nhiệt dẻo – Phần 1: Nguyên lý	Chấp nhận ISO 294-1:1996 Amd 1:2001 Amd 2:2005	Nt	2015	2015			

		chung và đúc các mẫu thử đa mục đích và mẫu thử dạng thanh							
524.		Chất dẻo – Đúc phun các mẫu thử từ các vật liệu nhiệt dẻo – Phần 2: Thanh kéo nhỏ	Chấp nhận ISO 294-2:1996 Amd 1:2004	Viện TCCLVN	2015	2015			
525.		Chất dẻo – Đúc phun các mẫu thử từ các vật liệu nhiệt dẻo – Phần 3: Tấm nhỏ	Chấp nhận ISO 294-3:2002 Amd 1:2006	Nt	2015	2015			
526.		Chất dẻo – Đúc phun các mẫu thử từ các vật liệu nhiệt dẻo – Phần 4: Xác định độ co ngót khi đúc	Chấp nhận ISO 294-4:2001	Nt	2015	2015			
527.		Chất dẻo – Đúc ép mẫu thử vật liệu nhiệt rắn	Chấp nhận ISO 295:2004	Nt	2015	2015			
528.		Chất dẻo - Xác định khối lượng riêng của chất dẻo không xốp - Phần 1: Phương pháp ngâm, phương pháp Picnomet lỏng và phương pháp chuẩn độ	Chấp nhận ISO 1183-1:2012	Nt	2015	2015			
529.		Chất dẻo – Chuẩn bị	Chấp nhận	Nt	2015	2015			

		mẫu thử bằng máy	ISO 2818:1994 Cor 1:2007						
530.		Chất dẻo – Xác định các thay đổi về màu sắc và đặc tính sau khi phơi nhiễm với ánh sáng ban ngày dưới kính, phong hóa tự nhiên hoặc các nguồn sáng phòng thử nghiệm	Chấp nhận ISO 4582:2007	Viện TCCLVN	2015	2015			
Sơn và vecni									
531.		Sơn và vecni - Thử cắt ngang	Chấp nhận ISO 2409:2013	Viện TCCLVN	2015	2015			
532.		Chuẩn bị nền thép trước khi áp dụng sơn và sản phẩm liên quan – Phương pháp thử đối với mài mòn bằng cách thổi sạch phi kim loại - Phần 1: Lấy mẫu	Chấp nhận ISO 11127-1:2011	Nt	2015	2015			
533.		Chuẩn bị nền thép trước khi áp dụng sơn và sản phẩm liên quan – Phương pháp thử đối với mài mòn bằng cách thổi sạch phi kim loại - Phần 2: Xác định phân bố kích thước hạt	Chấp nhận ISO 11127-2:2011	Nt	2015	2015			
534.		Chuẩn bị nền thép trước khi áp dụng sơn	Chấp nhận ISO 11127-3:2011	Nt	2015	2015			

		và sản phẩm liên quan – Phương pháp thử đối với mài mòn bằng cách thổi sạch phi kim loại - Phần 3: Xác định khối lượng riêng biểu kiến							
535.		Chuẩn bị nền thép trước khi áp dụng sơn và sản phẩm liên quan – Phương pháp thử đối với mài mòn bằng cách thổi sạch phi kim loại - Phần 4: Đánh giá độ cứng bằng phép thử lam kính	Chấp nhận ISO 11127-4:2011	Viện TCCLVN	2015	2015			
536.		Chuẩn bị nền thép trước khi áp dụng sơn và sản phẩm liên quan – Phương pháp thử đối với mài mòn bằng cách thổi sạch phi kim loại - Phần 5: Xác định độ ẩm	Chấp nhận ISO 11127-5:2011	Nt	2015	2015			
537.		Chuẩn bị nền thép trước khi áp dụng sơn và sản phẩm liên quan – Phương pháp thử đối với mài mòn bằng cách thổi sạch phi kim loại - Phần 6: Xác định chất gây ô nhiễm hòa tan trong	Chấp nhận ISO 11127-6:2011	Nt	2015	2015			

		nước bằng cách đo độ dẫn điện							
538.		Chuẩn bị nền thép trước khi áp dụng sơn và sản phẩm liên quan – Phương pháp thử đối với mài mòn bằng cách thổi sạch phi kim loại - Phần 7: Xác định clorua hòa tan trong nước	Chấp nhận ISO 11127-7:2011	Viện TCCLVN	2015	2015			
539.		Sơn, vecni và mực in - Xác định độ nghiền mịn	Chấp nhận ISO 1524:2013	Nt	2015	2015			
540.		Sơn, vecni và nguyên liệu cho sơn và vecni - Lấy mẫu	Chấp nhận ISO 15528:2013	Nt	2015	2015			
Chất hoạt động bề mặt									
541.		Chất hoạt động bề mặt không-ion – Các dẫn xuất polyethoxylat – Xác định các nhóm oxyethylen bằng phép đo iot	Chấp nhận ISO 2270:1989	Viện TCCLVN	2015	2015			
542.		Chất hoạt động bề mặt – Xà phòng – Xác định các hàm lượng thấp của glycerol bằng phép đo phổ hấp thụ phân tử	Chấp nhận ISO 2272:1989	Nt	2015	2015			

543.		Chất hoạt động bề mặt – Alcohol ethoxy sulfat hóa và alkylphenol – Xác định hàm lượng tổng hoạt chất	Chấp nhận ISO 6842:1989	Viện TCCLVN	2015	2015			
544.		Chất hoạt động bề mặt – Alcohol ethoxy sulfat hóa và alkylphenol – Xác định khối lượng phân tử tương đối trung bình	Chấp nhận ISO 6843:1988	Nt	2015	2015			
545.		Chất hoạt động bề mặt – Xác định hàm lượng sulfat khoáng – Phương pháp chuẩn độ	Chấp nhận ISO 6844:1983	Nt	2015	2015			
546.		Chất hoạt động bề mặt và chất tẩy rửa – Xác định sức căng bề mặt tương tác bằng màng kéo chất lỏng	Chấp nhận ISO 6889:1986	Nt	2015	2015			
547.		Chất hoạt động bề mặt – Bột giặt – Xác định các sulfat vô cơ – Phương pháp khối lượng	Chấp nhận ISO 8214:1985	Nt	2015	2015			
548.		Chất hoạt động bề mặt – Bột giặt – Xác định hàm lượng silica tổng – Phương pháp khối lượng	Chấp nhận ISO 8215:1985	Nt	2015	2015			

549.		Chất hoạt động bề mặt – Xác định sức căng bề mặt tương tác – Phương pháp thể tích	Chấp nhận ISO 9101:1987	Viện TCCLVN	2015	2015			
550.		Chất hoạt động bề mặt – Xác định acid cloroacetic (cloroacetat) trong chất hoạt động bề mặt – Phần 1: Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	Chấp nhận ISO 17293-1:2014	Nt	2015	2015			
551.		Chất hoạt động bề mặt – Xác định acid cloroacetic (cloroacetat) trong chất hoạt động bề mặt – Phần 2: Phương pháp sắc ký ion	Chấp nhận ISO 17293-2:2014	Nt	2015	2015			
Gốm cao cấp									
552.		Gốm mịn (Gốm cao cấp, gốm cao cấp kỹ thuật) – Nguồn sáng để thử nghiệm vật liệu xúc tác quang bán dẫn sử dụng trong môi trường ánh sáng trong nhà	Chấp nhận ISO 14605:2013	Viện TCCLVN	2015	2015			
553.		Gốm mịn (Gốm cao cấp, gốm cao cấp kỹ thuật) – Phương pháp xác định độ kháng	Chấp nhận ISO 14627:2012	Nt	2015	2015			

		nứt của vật liệu silic nitride đối với viên bi ồ lăn ở nhiệt độ phòng bằng phương pháp ấn nứt							
554.		Gốm mịn (Gốm cao cấp, gốm cao cấp kỹ thuật) – Phương pháp xác định độ mài tiếp xúc lăn của gốm silic nitride ở nhiệt độ phòng bằng phương pháp bi trên mặt phẳng	Chấp nhận ISO 14628:2012	Viện TCCLVN	2015	2015			
555.		Gốm mịn (Gốm cao cấp, gốm cao cấp kỹ thuật) – Phương pháp xác định hoạt tính kháng khuẩn của vật liệu bán dẫn xúc tác quang trong môi trường ánh sáng trong nhà	Chấp nhận ISO 17094:2014	Nt	2015	2015			
556.		Gốm mịn (Gốm cao cấp, gốm cao cấp kỹ thuật) – Phương pháp thử tính năng làm sạch không khí của vật liệu bán dẫn xúc tác quang – Phần 4: Loại bỏ formaldehyt	Chấp nhận ISO 22197-4:2013	Nt	2015	2015			
557.		Gốm mịn (Gốm cao cấp, gốm cao cấp kỹ thuật)	Chấp nhận ISO 22197-5:2013	Nt	2015	2015			

		thuật) – Phương pháp thử tính năng làm sạch không khí của vật liệu bán dẫn xúc tác quang – Phần 5: Loại bỏ methyl mercaptan							
Dầu mỡ và sản phẩm dầu mỡ									
558.		Dầu mỡ và sản phẩm dầu mỡ dạng lỏng – Hiệu chuẩn bồn chứa bằng phép đo chất lỏng – Phương pháp gia tăng sử dụng đồng hồ đo thể tích	Chấp nhận ISO 4269:2001	Viện TCCLVN	2015	2015			
559.		Dầu mỡ và sản phẩm dầu mỡ dạng lỏng – Hiệu chuẩn bồn chứa hình trụ ngang – Phần 1: Phương pháp thử công	Chấp nhận ISO 12917-1:2002 Cor 1:2009	Nt	2015	2015			
560.		Dầu mỡ và sản phẩm dầu mỡ dạng lỏng – Hiệu chuẩn bồn chứa hình trụ ngang – Phần 2: Phương pháp nội quang-điện tử điều chỉnh khoảng cách	Chấp nhận ISO 12917-2:2002	Nt	2015	2015			
561.		Dầu mỡ và sản phẩm dầu mỡ dạng lỏng – Hiệu chuẩn bồn chứa hình trụ đứng – Phần 1: Phương pháp vòng	Chấp nhận ISO 7507-1:2003	Nt	2015	2015			

		đai							
562.		Dầu mỡ và sản phẩm dầu mỡ dạng lỏng – Hiệu chuẩn bồn chứa hình trụ đứng – Phần 2: Phương pháp đường chuẩn quang học	Chấp nhận ISO 7507-2:2005	Viện TCCLVN	2015	2015			
563.		Dầu mỡ và sản phẩm dầu mỡ dạng lỏng – Hiệu chuẩn bồn chứa hình trụ đứng – Phần 3: Phương pháp quang – ba góc	Chấp nhận ISO 7507-3:2006	Nt	2015	2015			
564.		Dầu mỡ và sản phẩm dầu mỡ dạng lỏng – Hiệu chuẩn bồn chứa hình trụ đứng – Phần 4: Phương pháp nội quang-điện tử điều chỉnh khoảng cách	Chấp nhận ISO 7507-4:2010	Nt	2015	2015			
565.		Dầu mỡ và sản phẩm dầu mỡ dạng lỏng – Hiệu chuẩn bồn chứa hình trụ đứng – Phần 5: Phương pháp ngoại quang-điện tử điều chỉnh khoảng cách	Chấp nhận ISO 7507-5:2000	Nt	2015	2015			
Đo lưu lượng lưu chất									
566.		Hệ thống chuẩn – Giới thiệu chung	Tham khảo API 4.1	Viện TCCLVN	2015	2015			
567.		Bình chuẩn	Tham khảo API 4.4	Nt	2015	2015			

568.		Đo dòng bằng hệ thống đồng hồ điện tử	Tham khảo API 21.2:2000	Viện TCCLVN	2015	2015			
569.		Đo gió – Phần 1: Phương pháp thử tunnel đo gió để đo tốc độ gió xoay	Chấp nhận ISO 17713-1:2007	Nt	2015	2015			
570.		Thiết bị đo âm thanh/Nhiệt kế - Phương pháp thử đối với thiết bị đo gió	Chấp nhận ISO 16622:2002	Nt	2015	2015			
571.		Tiêu chuẩn thực hành đo dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ bằng phương pháp đo thử công	Tham khảo API 3.1 A:2005	Nt	2015	2015			
572.		Tiêu chuẩn thực hành đo mức hydrocacbon lỏng trong bình đặt cố định bằng dụng cụ đo tự động	Tham khảo API 3.1 B:2001	Nt	2015	2015			
573.		Tiêu chuẩn thực hành đo mức hydrocacbon lỏng trong bình điều áp đặt cố định bằng dụng cụ đo tự động	Tham khảo API 3.3:1996	Nt	2015	2015			
574.		Đo khối lượng khí thiên nhiên	Tham khảo API 14.7:1995	Nt	2015	2015			
575.		Đồng hồ tổng	Tham khảo API 4.5:2000	Nt	2015	2015			
576.		Xung nội suy	Tham khảo API 4.6:1999	Nt	2015	2015			
577.		Đo khí dầu mỏ hoá	Tham khảo	Nt	2015	2015			

		lồng bằng đồng hồ dịch chuyển	API 5.2:2005						
578.		Đo khí dầu mỏ hoá lỏng bằng đồng hồ Turbin	Tham khảo API 5.3:2005	Viện TCCLVN	2015	2015			
Hóa học									
579.		Acid chlohydric sử dụng trong công nghiệp – Xác định độ acid tổng – Phương pháp chuẩn độ	Chấp nhận ISO 904:1976	Viện TCCLVN	2015	2015			
580.		Acid chlohydric sử dụng trong công nghiệp – Xác định các sulfat hòa tan – Phương pháp đo độ đục	Chấp nhận ISO 2762:1973	Nt	2015	2015			
581.		Acid phosphoric sử dụng trong công nghiệp – Xác định hàm lượng sulfat – Phương pháp khử và chuẩn độ	Chấp nhận ISO 2997:1974	Nt	2015	2015			
582.		Acid flohydric dạng nước sử dụng trong công nghiệp – Lấy mẫu và phương pháp thử	Chấp nhận ISO 3139:1976/Amd 1:1980	Nt	2015	2015			
583.		Acid phosphoric và natri phosphat sử dụng trong công nghiệp (bao gồm cả thực phẩm) – Xác	Chấp nhận ISO 3360:1976	Nt	2015	2015			

		định hàm lượng flo – Phương pháp phức alizarin và đo quang lantan nitrat							
584.		Acid phosphoric sử dụng trong công nghiệp (bao gồm cả thực phẩm) – Xác định hàm lượng calci – Phương pháp hấp thụ nguyên tử ngọn lửa	Chấp nhận ISO 3707:1976	Viện TCCLVN	2015	2015			
585.		Acid phosphoric sử dụng trong công nghiệp – Hướng dẫn kỹ thuật lấy mẫu	Chấp nhận ISO 4285:1977	Nt	2015	2015			
586.		Sản phẩm hóa học sử dụng trong công nghiệp – Phương pháp chung để xác định ion clo – Phương pháp điện thế	Chấp nhận ISO 6227:1982	Nt	2015	2015			
587.		Sản phẩm hóa học sử dụng trong công nghiệp – Phương pháp chung để xác định vết các hợp chất lưu huỳnh, như sulfat, bằng phương pháp khử và chuẩn độ	Chấp nhận ISO 6228:1980	Nt	2015	2015			
588.		Phương pháp chung để xác định hàm lượng silic – Phương	Chấp nhận ISO 6382:1981	Nt	2015	2015			

		pháp quang phổ khử molybdosilicat							
589.		Sản phẩm hóa học sử dụng trong công nghiệp – Phương pháp chung để xác định hàm lượng sắt – Phương pháp quang phổ 1,10-phenanthroline	Chấp nhận ISO 6685:1982	Viện TCCLVN	2015	2015			
590.		Sản phẩm hóa học dạng lỏng – Xác định màu theo đơn vị Hazen (thang đo platin-cobalt)	Chấp nhận ISO 2211:1973	Nt	2015	2015			
591.		Xác định điểm kết tinh – Phương pháp chung	Chấp nhận ISO 1392:1977	Nt	2015	2015			
Nhiên liệu sinh học									
592.		Nhiên liệu điêzen sinh học gốc (B100) và hỗn hợp nhiên liệu điêzen sinh học với nhiên liệu chung cất trung bình – Xác định độ ổn định oxy hóa (Phương pháp nhanh)].	Chấp nhận ASTM D 7462-11	Viện TCCLVN	2015	2015			
593.		Ethanol nhiên liệu - Phương pháp xác định sulfat có sẵn và tiềm tàng và clorua	Chấp nhận ASTM D 7319-13	Nt	2015	2015			

		vô cơ bằng sắc ký ức chế ion bơm trực tiếp							
594.		Ethanol nhiên liệu - Phương pháp xác định sulfat có sẵn và tiềm tàng và clorua vô cơ bằng sắc ký ion sử dụng bơm mẫu nước	Chấp nhận ASTM D 7328-13	Viện TCCLVN	2015	2015			
595.		Phương pháp xác định nước bằng chuẩn độ thể tích Karl Fischer	Chấp nhận ASTM E 203-08	Nt	2015	2015			
596.		Xăng không chì pha 5% etanol – Yêu cầu kỹ thuật	Soát xét TCVN 8063:2009	Nt	2015	2015			
597.		Nhiên liệu điezen pha 5% metyl este axit béo – Yêu cầu kỹ thuật	Soát xét TCVN 8064:2009	Nt	2015	2015			
598.		Xăng không chì pha 10 % etanol – yêu cầu kỹ thuật	Soát xét TCVN 8701:2010	Nt	2015	2015			
Ván gỗ dán và gỗ kết cấu									
599.		Gỗ dán – Phân loại	Chấp nhận ISO 1096:2014 Soát xét TCVN 5695:1992	Viện TCCLVN	2015	2015			
600.		Gỗ kết cấu. Giá trị đặc trưng của gỗ phân cấp theo độ bền	Chấp nhận ISO 13910:2014 Soát xét TCVN 8164:2009	Nt	2015	2015			
601.		Gỗ dán – gỗ dán trang trí veneer	Chấp nhận ISO 13608:2014	Nt	2015	2015			
602.		Ván gỗ nhân tạo – Gỗ	Chấp nhận	Nt	2015	2015			

		dán – tấm block và tấm ván sàn	ISO 13609:2014						
603.		Gỗ kết cấu – Xác định giá trị đặc tính – phần 1: Yêu cầu cơ bản	Chấp nhận ISO 12122-1:2014	Viện TCCLVN	2015	2015			
604.		Gỗ kết cấu – Xác định giá trị đặc tính – Phần 2: gỗ xẻ	Chấp nhận ISO 12122-2:2014	Nt	2015	2015			
Quặng mangan									
605.		Quặng và tinh quặng mangan – Xác định hàm lượng ẩm lưu trong mẫu phân tích – Phương pháp khối lượng	Chấp nhận ISO 310:1992	Viện TCCLVN	2015	2015			
606.		Quặng và tinh quặng mangan – Xác định hàm lượng niken – Phương pháp quang phổ dimethylglyoxin và quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa	Chấp nhận ISO 315:1984	Nt	2015	2015			
607.		Quặng và tinh quặng mangan – Xác định hàm lượng asen – Phương pháp quang phổ	Chấp nhận ISO 317:1984	Nt	2015	2015			
608.		Quặng và tinh quặng mangan – Xác định hàm lượng phospho – Phương pháp chiết- molybdovanadat đo	Chấp nhận ISO 4293:1982	Nt	2015	2015			

		quang							
609.		Quặng và tinh quặng mangan – Xác định hàm lượng nhôm – Phương pháp đo quang và khối lượng	Chấp nhận ISO 4295:1988	Viện TCCLVN	2015	2015			
610.		Quặng và tinh quặng mangan – Phương pháp phân tích hóa học – Hướng dẫn chung	Chấp nhận ISO 4297:1978	Nt	2015	2015			
611.		Quặng và tinh quặng mangan – Xác định hàm lượng kali và natri – Phương pháp quang phổ phát xạ nguyên tử ngọn lửa	Chấp nhận ISO 4571:1981	Nt	2015	2015			
612.		Quặng và tinh quặng mangan – Xác định hàm lượng nhôm, đồng, chì và kẽm – Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa	Chấp nhận ISO 5889:1983	Nt	2015	2015			
613.		Quặng và tinh quặng mangan – Xác định hàm lượng silic – Phương pháp khối lượng	Chấp nhận ISO 5890:1981	Nt	2015	2015			
614.		Quặng và tinh quặng mangan – Xác định hàm lượng canxi và magie – Phương pháp	Chấp nhận ISO 6233:1983	Nt	2015	2015			

		chuẩn độ EDTA							
615.		Quặng và tinh quặng mangan – Xác định hàm lượng titan – Phương pháp quang phổ 4,4'-diantiprylmetan	Chấp nhận ISO 7723:1984	Viện TCCLVN	2015	2015			
616.		Quặng và tinh quặng mangan – Xác định hàm lượng canxi và magie – Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa	Chấp nhận ISO 7953:1985	Nt	2015	2015			
617.		Quặng và tinh quặng mangan – Xác định hàm lượng natri và kali – Phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa	Chấp nhận ISO 7969:1985	Nt	2015	2015			
618.		Quặng và tinh quặng mangan – Xác định hàm lượng sắt tổng – Phương pháp chuẩn độ sau khi khử và quang phổ axit sulfosalicylic	Chấp nhận ISO 7990:1985	Nt	2015	2015			
619.		Quặng và tinh quặng mangan – Xác định hàm lượng sắt tổng – Phương pháp quang phổ 1,10-phenatrolin	Chấp nhận ISO 9292:1988	Nt	2015	2015			
Than									
620.		Nhiên liệu khoáng	Chấp nhận	Viện	2015	2015			

		rắn. Xác định hàm lượng lưu huỳnh chung. Phương pháp Eschka	ISO 334:2013 Soát xét TCVN 175:1995	TCCLVN					
621.		Than và cốc. Tính kết quả phân tích trên những trạng thái khác nhau	Chấp nhận ISO 1170:2013 Soát xét TCVN 318:2009	Nt	2015	2015			
622.		Nhiên liệu khoáng rắn – Than đá – Xác định độ ẩm của mẫu thử trong phép phân tích chung bằng cách sấy khô trong môi trường nitơ	Chấp nhận ISO 11722:2013	Nt	2015	2015			
623.		Than - Phân tích các nguyên tố chính	Chấp nhận ISO 17247:2013 Soát xét TCVN 8621:2010	Nt	2015	2015			
624.		Than - Lựa chọn phương pháp xác định các nguyên tố dạng vết.	Chấp nhận ISO 23380:2013 Soát xét TCVN 8623:2010	Nt	2015	2015			
625.		Than - Xác định tỷ khối dùng để nạp cho lò cốc	Chấp nhận ISO 23499:2013 Soát xét TCVN 4778:2009	Nt	2015	2015			
Phân tích vi sinh vật trong thực phẩm									
626.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Phương pháp định lượng vi sinh vật – Phần 1: Kỹ thuật đổ đĩa để đếm khuẩn lạc ở 30 độ C	Chấp nhận ISO 4833-1:2013	Viện TCCLVN	2015	2015			

627.		Vi sinh vật trong chuỗi thực phẩm – Phương pháp định lượng vi sinh vật – Phần 2: Kỹ thuật cấy bề mặt để đếm khuẩn lạc ở 30 độ C	Chấp nhận ISO 4833-2:2013/Cor 1:2014	Viện TCCLVN	2015	2015			
628.		Vi sinh vật trong thực phẩm, thức ăn chăn nuôi và nước – Chuẩn bị, sản xuất, bảo quản và thử hiệu năng của môi trường nuôi cấy	Chấp nhận ISO 11133:2014	Nt	2015	2015			
629.		Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi – Phản ứng chuỗi polymerase (PCR) để phát hiện sinh vật gây bệnh từ thực phẩm – Phép thử hiệu năng đối với chu kỳ nhiệt	Chấp nhận ISO/TS 20836:2005	Nt	2015	2015			
630.		Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi – Phản ứng chuỗi polymerase (PCR) để phát hiện và định lượng sinh vật gây bệnh từ thực phẩm – Các đặc tính thể hiện	Chấp nhận ISO 22118:2011	Nt	2015	2015			
631.		Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi – Phản ứng	Chấp nhận ISO 22119:2011	Nt	2015	2015			

		chuỗi polymerase (PCR) thời gian thực để phát hiện sinh vật gây bệnh từ thực phẩm – Định nghĩa và các yêu cầu chung							
632.		Vi sinh vật trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi – Phản ứng chuỗi polymerase (PCR) để phát hiện sinh vật gây bệnh từ thực phẩm – Định nghĩa và các yêu cầu chung	Chấp nhận ISO 22174:2005	Viện TCCLVN	2015	2015			
633.		Thực phẩm – Phát hiện clostridium sinh độc tố thần kinh botulinum kiểu A, B, E và F bằng hệ thống ELISA khuếch đại	Dựa trên cơ sở AOAC 2002.08	Nt	2015	2015			
634.		Định tính <i>Bacillus anthracis</i> trong môi trường nuôi cấy bằng sắc kí khí. Phân tích methyl este của axit béo	Dựa trên cơ sở AOAC 2004.11	Nt	2015	2015			
Phương pháp phân tích nguyên tố vết trong thực phẩm									
635.		Thực phẩm – Xác định các nguyên tố vết – Xác định natri và magie bằng đo phổ hấp thụ nguyên tử	Chấp nhận EN 15505:2008	Viện TCCLVN	2015	2015			

		ngọn lửa (AAS) sau khi phân hủy vi sóng							
636.		Thực phẩm – Xác định các nguyên tố vết – Xác định asen, cadimi, thủy ngân và chì bằng đo phổ khối lượng plasma cảm ứng cao tần (ICP-MS) sau khi phân hủy bằng áp lực	Chấp nhận EN 15763:2009	Viện TCCLVN	2015	2015			
637.		Thực phẩm – Xác định các nguyên tố vết – Xác định thiếc bằng đo phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa (FAAS) và đo phổ hấp thụ nguyên tử dùng lò graphit (GFAAS) sau khi phân hủy bằng áp lực	Chấp nhận EN 15764:2009	Nt	2015	2015			
638.		Thực phẩm – Xác định các nguyên tố vết – Xác định thiếc bằng đo phổ plasma cảm ứng cao tần (ICP-MS) sau khi phân hủy bằng áp lực	Chấp nhận EN 15765:2009	Nt	2015	2015			
639.		Thực phẩm – Xác định kẽm bằng đo phổ hấp thụ nguyên tử	Dựa trên cơ sở AOAC 969.32	Nt	2015	2015			
640.		Thực phẩm và thức	Dựa trên cơ sở	Nt	2015	2015			

		ăn chăn nuôi – Xác định các chất khoáng bằng đo phổ hấp thụ nguyên tử	AOAC 985.35						
641.		Thực phẩm và thức ăn chăn nuôi – Xác định selen bằng đo huỳnh quang	Dựa trên cơ sở AOAC 974.15	Viện TCCLVN	2015	2015			
Phương pháp phân tích độc tố trong thực phẩm									
642.		Thực phẩm – Xác định ochratoxin A trong một số loại trái cây khô – Phương pháp sắc kí lỏng hiệu năng cao sử dụng detector huỳnh quang và làm sạch bằng cột ái lực miễn nhiễm	Chấp nhận EN 15829:2010	Viện TCCLVN	2015	2015			
643.		Thực phẩm – Xác định ochratoxin A trong thực phẩm từ ngũ cốc dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ – Phương pháp sắc kí lỏng hiệu năng cao sử dụng detector huỳnh quang và làm sạch bằng cột ái lực miễn nhiễm	Chấp nhận EN 15835:2010	Nt	2015	2015			
644.		Thực phẩm – Xác định deoxynivalenol trong ngũ cốc, sản phẩm ngũ cốc và	Chấp nhận EN 15891:2010	Nt	2015	2015			

		thực phẩm từ ngũ cốc dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ – Phương pháp sắc kí lỏng hiệu năng cao sử dụng detector UV và làm sạch bằng cột ái lực miễn nhiễm							
645.		Thực phẩm – Xác định fumonisin B1 và fumonisin B2 trong thực phẩm có chứa ngô dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ – Phương pháp sắc kí lỏng hiệu năng cao có làm sạch bằng cột ái lực miễn nhiễm và sử dụng detector huỳnh quang sau khi tạo dẫn xuất trước cột	Chấp nhận CEN/TS 16187:2011	Viện TCCLVN	2015	2015			
646.		Thực phẩm không chứa chất béo – Xác định thuốc diệt nấm benzimidazole: carbendazim, thiabendazole và benomyl (tính theo carbendazim) – Phần 1: Phương pháp HPLC có làm sạch bằng chiết pha rắn	Chấp nhận EN 14333-1:2004	Nt	2015	2015			
647.		Thực phẩm không chứa chất béo – Xác	Chấp nhận EN 14333-2:2004	Nt	2015	2015			

		định thuốc diệt nấm benzimidazole: carbendazim, thiabendazole và benomyl (tính theo carbendazim) – Phần 2: Phương pháp HPLC có làm sạch bằng sắc kí thấm thấu gel							
648.		Thực phẩm không chứa chất béo – Xác định thuốc diệt nấm benzimidazole: carbendazim, thiabendazole và benomyl (tính theo carbendazim) – Phần 3: Phương pháp HPLC có làm sạch từng phần lỏng/lỏng	Chấp nhận EN 14333-3:2004	Viện TCCLVN	2015	2015			
649.		Thực phẩm không chứa chất béo – Xác định chlormequat và mepiquat – Phương pháp LC-MS/MS	Chấp nhận EN 15055:2006	Nt	2015	2015			
Sữa và sản phẩm sữa									
650.		Sữa và sản phẩm sữa – Thuật ngữ và định nghĩa	Xây dựng mới, tham khảo tài liệu	Viện TCCLVN	2015	2015			
651.		Sữa và sản phẩm sữa – Xác định hoạt tính phosphatasa kiềm –	Chấp nhận ISO 11816-1:2013 Soát xét	Nt	2015	2015			

		Phần 1: Phương pháp đo huỳnh quang đối với sữa và đồ uống từ sữa	TCVN 6506-1:2007 (ISO 11816-1:2006)						
652.		Sữa nguyên chất – Xác định hàm lượng milkfat, protein và lactoza – Hướng dẫn vận hành thiết bị đo vùng hồng ngoại giữa	Chấp nhận ISO 9622:2013 Soát xét TCVN 6835:2001 (ISO 9622:1999)	Viện TCCLVN	2015	2015			
653.		Sữa và sản phẩm sữa – Xác định hàm lượng nitơ – Phần 1: Nguyên tắc Kjeldahl và tính protein thô	Chấp nhận ISO 8968-1:2014 Soát xét TCVN 8099-1:2009 (ISO 8968-1:2001), TCVN 8099-2:2009 (ISO 8968-2:2001) và TCVN 8179:2009 (ISO/TS 17837:2008)	Nt	2015	2015			
654.		Sản phẩm phomat chế biến – Tính hàm lượng phosphat bổ sung biểu thị theo phospho	Chấp nhận ISO/TS 18083:2013	Nt	2015	2015			
655.		Sữa – Xác định hoạt độ đông tụ sữa tổng số của rennet bò	Chấp nhận ISO 11815:2007	Nt	2015	2015			
656.		Sữa – Xác định dư lượng sulfamethazine bằng sắc kí lỏng	Dựa trên cơ sở AOAC 992.21	Nt	2015	2015			
657.		Sữa – Xác định dư lượng sulfonamide bằng sắc kí lỏng	Dựa trên cơ sở AOAC 993.32	Nt	2015	2015			

Lúa mì và bột mì									
658.		Hạt lúa mì (<i>Triticum aestivum</i> L.) – Các yêu cầu	Chấp nhận ISO 7970:2011 Soát xét TCVN 6095:2008 (ISO 7970:2000)	Viện TCCLVN	2015	2015			
659.		Các sản phẩm protein từ lúa mì	Chấp nhận CODEX STAN 163-1987, Rev 1-2001	Nt	2015	2015			
660.		Bột mì – Đặc tính vật lý của khối bột nhào – Phần 1: Xác định đặc tính hút nước và đặc tính lưu biến bằng farinograph	Chấp nhận ISO 5530-1:2013 Soát xét TCVN 7848-1:2008 (ISO 5530-1:1997) và TCVN 7848-3:2008 (ISO 5530-3:1988)	Nt	2015	2015			
661.		Bột mì – Đặc tính vật lý của khối bột nhào – Phần 2: Xác định đặc tính lưu biến bằng xtensograph	Chấp nhận ISO 5530-2:2013 Soát xét TCVN 7848-2:2008 (ISO 5530-2:1997)	Nt	2015	2015			
662.		Lúa mì, lúa mạch đen và bột mì, bột mì cứng, bột lúa mạch đen – Xác định chỉ số rơi theo Hagberg-Perten	Chấp nhận ISO 3093:2009	Nt	2015	2015			
663.		Lúa mì – Xác định chỉ số kết lắng – Phép thử Zeleny	Chấp nhận ISO 5529:2007	Nt	2015	2015			
664.		Bột mì (<i>Triticum aestivum</i> L.) – Xác	Chấp nhận ISO 17715:2013	Nt	2015	2015			

		định tổn thất tinh bột (tinh bột vỡ) bằng phương pháp đo ampe							
665.		Bột mì (<i>Triticum aestivum</i> L.) – Xác định đặc tính lưu biến dưới dạng hàm số của quá trình nhào trộn và số gia nhiệt độ	Chấp nhận ISO 17718:2013	Viện TCCLVN	2015	2015			
Ngũ cốc và đậu đỗ									
666.		Bột ngô nguyên chất	Chấp nhận CODEX STAN 154-1985, Rev 1-1995	Viện TCCLVN	2015	2015			
667.		Bột mịn và bột thô từ ngô đã tách phôi hạt	Chấp nhận CODEX STAN 155-1985, Rev 1-1995	Nt	2015	2015			
668.		Các sản phẩm protein từ đậu tương	Chấp nhận CODEX STAN 175-1989	Nt	2015	2015			
669.		Gạo – Xác định tỉ lệ thu hồi tiềm năng từ thóc và từ gạo lật	Chấp nhận ISO 6646:2011 Soát xét TCVN 7983:2008 (ISO 6646:2000)	Nt	2015	2015			
670.		Ngũ cốc và đậu đỗ – Xác định khối lượng của 1000 hạt	Chấp nhận ISO 520:2010 Soát xét TCVN 8123:2009 (ISO 520:1977)	Nt	2015	2015			
671.		Ngũ cốc và đậu đỗ – Xác định hàm lượng	Chấp nhận ISO 20483:2013	Nt	2015	2015			

		nitơ và tính hàm lượng protein thô – Phương pháp Kjeldahl	Soát xét TCVN 8125:2009 (ISO 20483:2006)						
672.		Ngũ cốc, đậu đỗ và các loại hạt – Tên gọi	Chấp nhận ISO 5526:2013	Viện TCCLVN	2015	2015			
673.		Thức ăn chăn nuôi, ngũ cốc và các sản phẩm ngũ cốc nghiền – Hướng dẫn áp dụng kỹ thuật đo phổ hồng ngoại gần	Chấp nhận ISO 12099:2010	Nt	2015	2015			
Thủy sản và sản phẩm thủy sản									
674.		Quy phạm thực hành đối với thủy sản và sản phẩm thủy sản	Chấp nhận CAC/RCP 52-2003, Rev.6-2011, Amd.2-2013; Soát xét TCVN 7265:2009 (CAC/RCP 52-2003, Rev.4-2008)	Viện TCCLVN	2015	2015			
675.		Cá xông khói, cá xông khói có tạo hương và cá xông khói khô	Chấp nhận CODEX STAN 311-2013	Nt	2015	2015			
676.		Bào ngư	Chấp nhận CODEX STAN 312-2013	Nt	2015	2015			
677.		Hướng dẫn áp dụng các nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm để kiểm soát các loài <i>Vibrio</i> gây bệnh trong hải sản	Chấp nhận CAC/GL 73-2010	Nt	2015	2015			
678.		Hướng dẫn đánh giá	Chấp nhận	Nt	2015	2015			

		cảm quan trong phòng thí nghiệm đối với cá và động vật thân mềm	CAC/GL 31-1999						
679.		Thực phẩm – Xác định các nguyên tố vết – Xác định asen trong thủy sản bằng đo phổ hấp thụ nguyên tử dùng lò graphit (GFAAS) sau khi phân hủy bằng vi sóng	Chấp nhận EN 14332:2004	Viện TCCLVN	2015	2015			
680.		Thủy sản và sản phẩm thủy sản – Xác định	Dựa trên cơ sở AOAC 977.13	Nt	2015	2015			
Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm									
681.		Tiêu chuẩn chung đối với các chất nhiễm bẩn và các độc tố trong thực phẩm	Chấp nhận CODEX STAN 193-1995, Rev.4-2009, Amd. 3-2013 ; Soát xét TCVN 4832:2009	Viện TCCLVN	2015	2015			
682.		Hướng dẫn ghi nhãn dinh dưỡng	Chấp nhận CAC/GL 2-1985, Rev. 2- 2011, Amd. 6-2013; Soát xét TCVN 7088:2008 (CAC/GL 2-2003)	Nt	2015	2015			
683.		Hướng dẫn sản xuất, chế biến, ghi nhãn và marketing thực phẩm	Chấp nhận CAC/GL 32-1999, Rev. 4- 2007, Amd. 5-2013	Nt	2015	2015			

		hữu cơ							
684.		Hướng dẫn kiểm soát <i>Campylobacter</i> và <i>Salmonella</i> trong thịt gà	Chấp nhận CAC/GL 78-2011	Viện TCCLVN	2015	2015			
Phụ gia thực phẩm									
685.		Muối thực phẩm	Chấp nhận CODEX STAN 150-1985, Rev. 2-2012, Amd. 3- 2006 ; Soát xét TCVN 3974:2007 (CODEX STAN 150-1985, Rev. 1-1997, Amend.1- 1999, Amend.2-2001)	Viện TCCLVN	2015	2015			
686.		Phụ gia thực phẩm – Cacbon dioxit	Tham khảo tài liệu của JECFA; Soát xét TCVN 5778:1994 Cacbon dioxit dùng cho thực phẩm – Khí và lỏng	Nt	2015	2015			
687.		Phụ gia thực phẩm – Phương pháp phân tích vi sinh vật – Phần 1: Xác định tổng số vi sinh vật hiếu khí bằng phương pháp đếm đĩa	Tham khảo tài liệu của JECFA	Nt	2015	2015			
688.		Phụ gia thực phẩm – Phương pháp phân tích vi sinh vật – Phần 2: Xác định tổng số vi sinh vật	Tham khảo tài liệu của JECFA	Nt	2015	2015			

		hiếu khí bằng phương pháp đếm đĩa xoáy							
689.		Phụ gia thực phẩm – Phương pháp phân tích vi sinh vật – Phần 3: Xác định coliform và <i>E. coli</i> bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc	Tham khảo tài liệu của JECFA	Nt	2015	2015			
690.		Phụ gia thực phẩm – Phương pháp phân tích vi sinh vật – Phần 4: Xác định coliform và <i>E. coli</i> bằng kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất	Tham khảo tài liệu của JECFA	Nt	2015	2015			
691.		Phụ gia thực phẩm – Phương pháp phân tích vi sinh vật – Phần 5: Xác định <i>Salmonella</i>	Tham khảo tài liệu của JECFA	Nt	2015	2015			
692.		Phụ gia thực phẩm – Phương pháp phân tích vi sinh vật – Phần 6: Xác định <i>Staphylococcus aureus</i> bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc	Tham khảo tài liệu của JECFA	Nt	2015	2015			
693.		Phụ gia thực phẩm – Phương pháp phân tích vi sinh vật – Phần 7: Xác định <i>Staphylococcus</i>	Tham khảo tài liệu của JECFA	Nt	2015	2015			

		<i>aureus</i> bằng kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất							
694.		Phụ gia thực phẩm – Phương pháp phân tích vi sinh vật – Phần 8: Định lượng nấm men và nấm mốc	Tham khảo tài liệu của JECFA	Viện TCCLVN	2015	2015			
Casein và caseinat									
695.		Casein và caseinat – Xác định hàm lượng chất béo – Phương pháp khối lượng (Phương pháp chuẩn)	Chấp nhận ISO 5543:2004	Viện TCCLVN	2015	2015			
696.		Casein – Xác định hàm lượng “tro cố định” (Phương pháp chuẩn)	Chấp nhận ISO 5544:2008	Nt	2015	2015			
697.		Casein renet và caseinat – Xác định hàm lượng tro (Phương pháp chuẩn)	Chấp nhận ISO 5545:2008	Nt	2015	2015			
698.		Casein và caseinat – Xác định pH (Phương pháp chuẩn)	Chấp nhận ISO 5546:2010	Nt	2015	2015			
699.		Casein – Xác định độ axit tự do (Phương pháp chuẩn)	Chấp nhận ISO 5547:2008	Nt	2015	2015			
700.		Casein và caseinat – Xác định hàm lượng lactose – Phương pháp đo quang	Chấp nhận ISO 5548:2004	Nt	2015	2015			
701.		Casein và caseinat –	Chấp nhận	Nt	2015	2015			

		Xác định độ ẩm (Phương pháp chuẩn)	ISO 5550:2006						
702.		Casein và caseinat – Xác định hàm lượng các hạt và chất ngoại lai	Chấp nhận ISO 5739:2003	Viện TCCLVN	2015	2015			
Rau quả									
703.		Rau quả dầm dấm	Chấp nhận CODEX STAN 260-2007	Viện TCCLVN	2015	2015			
704.		Nấm khô	Chấp nhận CODEX STAN 39-1981	Nt	2015	2015			
705.		Nho quả tươi – Hướng dẫn bảo quản lạnh	Chấp nhận ISO 2168:1974	Nt	2015	2015			
706.		Bơ quả tươi – Hướng dẫn bảo quản và vận chuyển	Chấp nhận ISO 2295:1974	Nt	2015	2015			
707.		Dưa hấu – Hướng dẫn bảo quản và vận chuyển lạnh	Chấp nhận ISO 9833:1993	Nt	2015	2015			
708.		Nấm ăn – Hướng dẫn bảo quản và vận chuyển lạnh	Chấp nhận ISO 7561:1984	Nt	2015	2015			
709.		Rau diếp – Hướng dẫn làm lạnh sơ bộ và vận chuyển lạnh	Chấp nhận ISO 8683:1988	Nt	2015	2015			
710.		Rau ăn củ – Hướng dẫn bảo quản và vận chuyển lạnh	Chấp nhận ISO 9719:1995	Nt	2015	2015			
711.		Đậu quả – Hướng dẫn bảo quản và vận chuyển lạnh	Chấp nhận ISO 9930:1993	Nt	2015	2015			

Phụ gia thực phẩm								
712.		Phụ gia thực phẩm – Axit ascorbic	Tham khảo tài liệu của JECFA	Viện TCCLVN	2015	2015		
713.		Phụ gia thực phẩm – Ascorbyl palmitat	Tham khảo tài liệu của JECFA	Nt	2015	2015		
714.		Phụ gia thực phẩm – Ascorbyl stearat	Tham khảo tài liệu của JECFA	Nt	2015	2015		
715.		Phụ gia thực phẩm – Natri ascorbat	Tham khảo tài liệu của JECFA	Nt	2015	2015		
716.		Phụ gia thực phẩm – Canxi ascorbat	Tham khảo tài liệu của JECFA	Nt	2015	2015		
717.		Phụ gia thực phẩm – Hydroxyanisol đã butyl hóa (BHA)	Tham khảo tài liệu của JECFA	Nt	2015	2015		
718.		Phụ gia thực phẩm – Hydroxytoluen đã butyl hóa (BHT)	Tham khảo tài liệu của JECFA	Nt	2015	2015		
719.		Phụ gia thực phẩm – Lexitin	Tham khảo tài liệu của JECFA	Nt	2015	2015		
720.		Phụ gia thực phẩm – Kali metabisulfit	Tham khảo tài liệu của JECFA	Nt	2015	2015		
721.		Phụ gia thực phẩm – Kali sulfit	Tham khảo tài liệu của JECFA	Nt	2015	2015		
722.		Phụ gia thực phẩm – Natri hydro sulfit	Tham khảo tài liệu của JECFA	Nt	2015	2015		
723.		Phụ gia thực phẩm – Natri metabisulfit	Tham khảo tài liệu của JECFA	Nt	2015	2015		
724.		Phụ gia thực phẩm – Natri sulfit	Tham khảo tài liệu của JECFA	Nt	2015	2015		
725.		Phụ gia thực phẩm – Natri thiosulfat	Tham khảo tài liệu của JECFA	Nt	2015	2015		

Đồ uống									
726.		Đồ uống – Xác định tổng hàm lượng chất tạo màu anthocyanin dạng monome – Phương pháp pH vi sai	Dựa trên cơ sở AOAC 2005.02	Viện TCCLVN	2015	2015			
727.		Rượu vang và nước nho – Xác định hàm lượng glycerol – Phương pháp sắc kí lỏng	Dựa trên cơ sở AOAC 991.46	Nt	2015	2015			
728.		Đồ uống – Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật ở mức thấp – Phương pháp sắc kí lỏng-khối phổ hai lần	Dựa trên cơ sở AOAC 2007.08	Nt	2015	2015			
729.		Đồ uống – Xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (>0,5 mg/L) – Phương pháp sắc kí lỏng-khối phổ hai lần	Dựa trên cơ sở AOAC 2007.09	Nt	2015	2015			
730.		Rượu chưng cất – Xác định este bằng phương pháp quang phổ	Dựa trên cơ sở AOAC 972.07	Nt	2015	2015			
Dầu mỡ động vật, thực vật									
731.		Quy phạm thực hành khuyến nghị về bảo quản và vận chuyển	Chấp nhận CAC/RCP 36-1987, Rev. 4-2011;	Viện TCCLVN	2015	2015			

		dầu mỡ thực phẩm dạng rời	Soát xét TCVN 6564:2007 (CAC/RCP 36-1987, Rev. 3-2005)						
732.		Dầu mỡ động vật và thực vật – Xác định trị số iôt	Chấp nhận ISO 3961:2013 Soát xét TCVN 6122:2010 (ISO 3961:2009)	Viện TCCLVN	2015	2015			
733.		Dầu mỡ động thực vật – Xác định trị số xà phòng hóa	Chấp nhận ISO 3657:2013 Soát xét TCVN 6126:2007 (ISO 3657:2002)	Nt	2015	2015			
734.		Dầu mỡ động thực vật – Xác định trị số hydroxyl bằng phương pháp acetyl hóa	Dựa trên cơ sở AOAC 965.32	Nt	2015	2015			
735.		Hạt có dầu – Xác định hàm lượng dầu bằng phương pháp chiết lỏng siêu tới hạn (SFE)	Dựa trên cơ sở AOAC 999.02	Nt	2015	2015			
736.		Bột của hạt có dầu – Xác định protein hòa tan trong dung dịch kali hydroxit	Chấp nhận ISO 14244:2014	Nt	2015	2015			
Ca cao và sản phẩm ca cao									
737.		Sản phẩm cacao – Xác định hàm lượng nitor tổng số bằng	Dựa trên cơ sở AOAC 970.22	Viện TCCLVN	2015	2015			

		phương pháp Kjeldahl và tính hàm lượng protein thô							
738.		Socola sữa – Xác định hàm lượng protein từ sữa bằng phương pháp Kjeldahl	Dựa trên cơ sở AOAC 939.02	Viện TCCLVN	2015	2015			
739.		Socola sữa – Xác định hàm lượng fructose, glucose, lactose, maltose và sacarose – Phương pháp sắc kí lỏng	Dựa trên cơ sở AOAC 980.13	Nt	2015	2015			
740.		Sản phẩm cacao – Xác định hàm lượng axit pectic	Dựa trên cơ sở AOAC 952.04	Nt	2015	2015			
741.		Sản phẩm cacao – Xác định hàm lượng theobromine và caffeine – Phương pháp sắc kí lỏng	Dựa trên cơ sở AOAC 980.14	Nt	2015	2015			
742.		Sản phẩm socola – Xác định hàm lượng alginate	Dựa trên cơ sở AOAC 959.06	Nt	2015	2015			
743.		Phân tích cảm quan – Thuật ngữ và định nghĩa	Chấp nhận ISO 5492:2008	Viện TCCLVN	2015	2015			
744.		Phân tích cảm quan – Phương pháp luận – Phép thử so hàng	Chấp nhận ISO 8587:2006 & Amd. 1:2013	Nt	2015	2015			

745.		Phân tích cảm quan – Phương pháp luận – Phân tích liên tục	Chấp nhận ISO 16820:2004	Viện TCCLVN	2015	2015			
746.		Phân tích cảm quan – Phương pháp luận – Phép thử tam giác	Chấp nhận ISO 4120:2004	Nt	2015	2015			
747.		Phân tích cảm quan – Phương pháp luận – Phép thử 2-3	Chấp nhận ISO 10399:2004	Nt	2015	2015			
Phương pháp lấy mẫu và phân tích thực phẩm									
748.		Nông sản thực phẩm – Mô hình đối với phương pháp chuẩn để lấy mẫu từ lô hàng	Chấp nhận ISO 7002:1986	Viện TCCLVN	2015	2015			
749.		Thực phẩm – Nguyên tắc lựa chọn và các tiêu chí xác nhận giá trị sử dụng đối với các phương pháp nhận diện độ thuần bằng axit nucleic đặc hiệu	Chấp nhận ISO 13495:2013	Nt	2015	2015			
750.		Thực phẩm – Xác định neohesperidin- dihydrochalcon	Chấp nhận CEN/TS 14537:2003	Nt	2015	2015			
751.		Thực phẩm – Xác định acesulfame-K, aspartame, neohesperidine- dihydrochalcone và saccharin – Phương	Chấp nhận CEN/TS 15606:2009	Nt	2015	2015			

		pháp sắc kí lỏng hiệu năng cao							
752.		Thực phẩm – Xác định đồng thời chín chất tạo ngọt bằng phương pháp sắc kí lỏng hiệu năng cao sử dụng detector tán xạ ánh sáng	Chấp nhận EN 15911:2010	Viện TCCLVN	2015	2015			
An toàn đồ chơi trẻ em									
753.		An toàn đồ chơi trẻ em – Phần 6: Xác định một số este phtalate trong đồ chơi và sản phẩm dành cho trẻ em	Chấp nhận ISO/FDIS 8124-6:2014	Viện TCCLVN	2015	2015			
754.		An toàn đồ chơi trẻ em – Phần 8: Hướng dẫn xác định tuổi sử dụng	Chấp nhận ISO/TR 8124-8:2014	Nt	2015	2015			
Chất dẻo gia cường sợi									
755.		Chất dẻo gia cường sợi – Phương pháp chế tạo tấm thử – Phần 1: Điều kiện chung	Chấp nhận ISO 1268-1:2001 (2011)	Viện TCCLVN	2015	2015			
756.		Chất dẻo gia cường sợi – Phương pháp chế tạo tấm thử – Phần 2: Đúc tiếp xúc và phun	Chấp nhận ISO 1268-2:2001 (2011)	Nt	2015	2015			
757.		Chất dẻo gia cường	Chấp nhận	Nt	2015	2015			

		sợi – Phương pháp chế tạo tấm thử – Phần 3: Đúc nén ướt	ISO 1268-3:2000 (2010)						
758.		Chất dẻo gia cường sợi – Phương pháp chế tạo tấm thử – Phần 4: Đúc prepregs	Chấp nhận ISO 1268-4:2005 (2013) ISO/Adm1:2010	Viện TCCLVN	2015	2015			
759.		Chất dẻo gia cường sợi – Phương pháp chế tạo tấm thử – Phần 5: Quấn sợi đơn	Chấp nhận ISO 1268-5:2001 (2013)	Nt	2015	2015			
760.		Chất dẻo gia cường sợi – Phương pháp chế tạo tấm thử – Phần 6: Đúc	Chấp nhận ISO 1268-6:2002 (2012)	Nt	2015	2015			
761.		Chất dẻo gia cường sợi – Phương pháp chế tạo tấm thử – Phần 7: Đúc truyền nhựa	Chấp nhận ISO 1268-7:2001 (2011)	Nt	2015	2015			
762.		Chất dẻo gia cường sợi – Phương pháp chế tạo tấm thử – Phần 8: Đúc nén SMC và BMC	Chấp nhận ISO 1268-8:2004 (2013)	Nt	2015	2015			
763.		Chất dẻo gia cường sợi – Phương pháp chế tạo tấm thử – Phần 9: Đúc GMT/STC	Chấp nhận ISO 1268-9:2003 (2013)	Nt	2015	2015			
764.		Chất dẻo gia cường sợi – Phương pháp chế tạo tấm thử –	Chấp nhận ISO 1268-10:2005 (2013)	Nt	2015	2015			

		Phần 10: Đúc phun BMC và các hợp chất đúc có sợi dài khác – Nguyên tắc chung và đúc mẫu đa năng							
765.		Chất dẻo gia cường sợi – Phương pháp chế tạo tấm thử – Phần 11: Đúc phun BMC và các hợp chất đúc có sợi dài khác – Tấm nhỏ	Chấp nhận ISO 1268-11:2005 (2013)	Nt	2015	2015			
Giấy và sản phẩm giấy									
766.		Giấy, cactong và bột giấy – Xác định hệ số bức xạ khuếch tán	Chấp nhận ISO/FDIS 2469.2	Viện TCCLVN	2015	2015			
767.		Giấy và cactong – Phương pháp đo độ bóng – Phần 1: Độ bóng đo ở góc 75 ⁰ với chùm tia hội tụ, phương pháp TAPPI	ISO 8254-1:2009	Nt	2015	2015			
768.		Giấy và cactong – Phương pháp đo độ bóng – Phần 2: Độ bóng đo ở góc 75 ⁰ với chùm tia song song, phương pháp DIN	ISO/DIS 8254-2 (2014)	Nt	2015	2015			
769.		Giấy và cactong – Xác định độ nhám/độ nhẵn (phương pháp rò rỉ khí) – Phần 1: Phương pháp chung	Chấp nhận ISO 8791-1:1986 (2013)	Nt	2015	2015			

770.		Giấy và cactong – Xác định độ nhám/độ nhẵn (phương pháp rò rỉ khí) – Phần 2: Phương pháp Bendtsen	Chấp nhận ISO 8791-2:2013; Soát xét TCVN 3226:2001	Viện TCCLVN	2015	2015			
771.		Giấy và cactong – Xác định độ nhám/độ nhẵn (phương pháp rò rỉ khí) – Phần 3: Phương pháp Sheffield	Chấp nhận ISO 8791-3:2005	Nt	2015	2015			
772.		Giấy và cactong – Xác định độ nhám/độ nhẵn (phương pháp rò rỉ khí) – Phần 4: Phương pháp Print- surf	Chấp nhận ISO 8791-4:2007	Nt	2015	2015			
773.		Giấy, cactông và bột giấy – Xác định lượng clo hòa tan trong nước	Chấp nhận ISO 9197:2006	Nt	2015	2015			
774.		Giấy và cactong – Xác định lượng kiềm dư (<i>Paper and board -- Determination of alkali reserve</i>)	Chấp nhận ISO 10716:1994	Nt	2015	2015			
775.		Bột giấy – Xác định lượng chất hoà tan trong aceton	Chấp nhận ISO 14453:2014	Nt	2015	2015			
Ống và phụ tùng đường ống bằng chất dẻo									
776.		Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng để	Chấp nhận ISO 8483:2003 (2010)	Viện TCCLVN	2015	2015			

		thoát nước và rác thải có áp hoặc không áp – Hệ thống nhựa nhiệt rắn gia cường sợi thủy tinh trên cơ sở nhựa polyeste không no – Phương pháp xác nhận thiết kế của các mối nối mặt bích có bulong	Amd.1:2012						
777.		Hệ thống ống bằng chất dẻo – Ống nhựa nhiệt rắn gia cường sợi thủy tinh – Phương pháp xác định độ bền kéo hướng dọc biểu kiến ban đầu	Chấp nhận ISO 8513:2014	Viện TCCLVN	2015	2015			
778.		Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng để thoát nước và rác thải có áp hoặc không áp – Hệ thống nhựa nhiệt rắn gia cường sợi thủy tinh trên cơ sở nhựa polyeste không no – Phương pháp xác nhận thiết kế của các mối nối dán hoặc gấp	Chấp nhận ISO 8533:2003 Amd 1.2012	Nt	2015	2015			
779.		Hệ thống ống bằng chất dẻo – Ống nhựa nhiệt rắn gia cường sợi thủy tinh –	Chấp nhận ISO 10466:1997 (2014)	Nt	2015	2015			

		Phương pháp xác nhận độ bền biến dạng vòng ban đầu							
780.		Ống nhựa nhiệt rắn gia cường sợi thủy tinh – Xác định độ cứng rão hướng vòng dài hạn dưới các điều kiện ướt và tính toán hệ số rão ướt	Chấp nhận ISO 10468:2003 (2010) Amd1.2010	Viện TCCLVN	2015	2015			
781.		Ống nhựa nhiệt rắn gia cường sợi thủy tinh – Xác định độ bền uốn dài hạn và độ biến dạng vòng tương đối dài hạn dưới các điều kiện ướt	Chấp nhận ISO 10471:2003 (2010) Amd1.2010	Nt	2015	2015			
Da									
782.		Da – Da thô của gia súc và ngựa – Phương pháp cắt xén	Chấp nhận 2820:1974, Amd 1:1996	Viện TCCLVN	2015	2015			
783.		Da – Da thô của gia súc và ngựa – Bảo quản bằng muối lượng lớn	Chấp nhận ISO 2821:1974, Amd 1:1996	Nt	2015	2015			
784.		Da - Xác định tổng hàm lượng silic – Phương pháp quang phổ molybdosilicat	Chấp nhận ISO 5400:1984	Nt	2015	2015			
785.		Da – Phép thử cơ lý – Xác định độ bền nước của da cứng	Chấp nhận ISO 5404:2011	Nt	2015	2015			
786.		Da – Cách đo diện	Chấp nhận	Nt	2015	2015			

		tích	ISO 11646:2014						
787.		Da – Phép thử cơ-lý – Xác định độ thấm của hơi nước	Chấp nhận 14268:2012	Viện TCCLVN	2015	2015			
788.		Da – Phép thử độ bền màu với giặt nhẹ	Chấp nhận ISO 15703: 1998	Nt	2015	2015			
789.		Da – Phép thử cơ lý – Xác định đặc tính tạo mù	Chấp nhận ISO 17071:2006	Nt	2015	2015			
790.		Da – Phép thử cơ lý – Xác định sự thay đổi kích thước	Chấp nhận ISO 17130:2013	Nt	2015	2015			
791.		Da – Xác định da bằng kính hiển vi	Chấp nhận ISO 17131:2012	Nt	2015	2015			
792.		Da – Phép thử cơ lý – Xác định độ dày của lớp phủ bề mặt	chấp nhận ISO 17186:2011	Nt	2015	2015			
793.		Da – Phép thử cơ-lý - Xác định độ mềm đeo	chấp nhận ISO 17235:2011	Nt	2015	2015			
794.		Da – Phép thử cơ-lý – Xác định sự phản xạ bề mặt	Chấp nhận ISO 17502:2013	Nt	2015	2015			
795.		Da – Phép thử cơ lý - Xác độ độ bền uốn bằng phương pháp uốn lắ	Chấp nhận ISO 22288:2006	Nt	2015	2015			
796.		Da – Phương pháp thử cơ lý để xác định độ nhiễm bẩn – Phần 1: Phương pháp chà xát (Martindale)	chấp nhận ISO 26082-1:2012	Nt	2015	2015			
797.		Da – Phương pháp	chấp nhận	Nt	2015	2015			

		thử cơ lý để xác định độ nhớt bản – Phần 2: Phương pháp trộn đảo	ISO 26082-2:2012						
Dụng cụ thí nghiệm bằng thủy tinh									
798.		Dụng cụ thí nghiệm bằng thủy tinh – Tỷ trọng kế để sử dụng chung - Phần 1: Các yêu cầu	Chấp nhận ISO 649-1:1981	Nt	2015	2015			
799.		Dụng cụ thí nghiệm bằng thủy tinh – Tỷ trọng kế để sử dụng chung - Phần 2: Phương pháp thử và sử dụng	Chấp nhận ISO 649-2:1981	Viện TCCLVN	2015	2015			
800.		Dụng cụ thí nghiệm bằng thủy tinh – Mã màu	Chấp nhận ISO 1769:1975	Nt	2015	2015			
801.		Dụng cụ thí nghiệm bằng thủy tinh – Bình lọc	Chấp nhận ISO 6556:2012	Nt	2015	2015			
802.		Dụng cụ thí nghiệm bằng chất dẻo – Ống đong chia độ	Chấp nhận ISO 6706:1981	Nt	2015	2015			
803.		Dụng cụ thí nghiệm bằng thủy tinh – Pipet vi lượng dùng một lần	chấp nhận ISO 7550:1985	Nt	2015	2015			
804.		Dụng cụ thí nghiệm bằng thủy tinh – Pipet huyết thanh dùng một lần	Chấp nhận ISO 7713:1985	Nt	2015	2015			

805.		Dụng cụ thí nghiệm bằng chất dẻo – Pipet huyết thanh dùng một lần	Chấp nhận 12771:1997	Viện TCCLVN	2015	2015			
806.		Dụng cụ thí nghiệm bằng thủy tinh – Đĩa Petri	Chấp nhận ISO 13132:2011	Nt	2015	2015			
807.		Dụng cụ thí nghiệm bằng chất dẻo – Đĩa Petri dùng một lần cho qui trình vi sinh	Chấp nhận ISO 24998:2008	Nt	2015	2015			
Giày dép									
808.		Giày dép – Phương pháp thử khoá kéo – Độ bền tách rời	Chấp nhận ISO 10717:2010	Viện TCCLVN	2015	2015			
809.		Giày dép – Phương pháp thử khóa kéo – Độ bền giữ của khóa	Chấp nhận ISO 10748:2011	Nt	2015	2015			
810.		Giày dép – Phương pháp thử các vật liệu đàn hồi – Tính chất kéo giãn	Chấp nhận ISO 10765:2010	Nt	2015	2015			
811.		Giày dép – Phương pháp xác định độ bền của vật liệu đàn hồi có trong giày dép – Độ bền mỗi	Chấp nhận ISO 10768:2010	Nt	2015	2015			
812.		Giày dép – Độ bền đối với sự xuất hiện và gia tăng vết nứt – Phương pháp uốn dải)	Chấp nhận ISO 16177:2012	Nt	2015	2015			
813.		Giày dép – Giới hạn	Chấp nhận	Nt	2015	2015			

		của các chất có trong giấy dệp và các chi tiết của giấy dệp – Xác định hợp chất hữu cơ thiếc có trong vật liệu làm giấy dệp	ISO/TS 16179:2012						
814.		Giấy dệp – Giới hạn của các chất có trong giấy dệp và chi tiết của giấy dệp – Xác định phtalat có trong vật liệu làm giấy dệp	Chấp nhận ISO/TS 16181:2011	Viện TCCLVN	2015	2015			
815.		Giấy dệp – Giới hạn của các chất có trong giấy dệp và chi tiết của giấy dệp – Phương pháp xác định định lượng dimetyl fumarat (DMFU) có trong vật liệu làm giấy dệp	Chấp nhận ISO/TS 16186:2012	Nt	2015	2015			
816.		Giấy dệp và chi tiết của giấy dệp – Phương pháp thử để đánh giá hoạt tính kháng khuẩn	Chấp nhận ISO 16187:2013	Nt	2015	2015			
817.		Giấy dệp – Giới hạn của các chất có trong giấy dệp và chi tiết của giấy dệp – Phương pháp xác định định lượng dimetylformamit có trong vật liệu làm	Chấp nhận ISO/TS 16189:2013	Nt	2015	2015			

		giày dép							
818.		Giày dép – Giới hạn của các chất có trong giày dép và chi tiết của giày dép – Phương pháp xác định định lượng hydrocacbon thơm nhiều vòng có trong vật liệu làm giày dép	Chấp nhận ISO/TS 16190:2013	Viện TCCLVN	2015	2015			
819.		Giày dép – Phương pháp thử mũ và lót mũ – Độ thấm hơi nước và độ hấp thụ hơi nước	Chấp nhận ISO 17699:2003	Nt	2015	2015			
820.		Giày dép – Phương pháp thử mũ, lót mũ và lót mặt – Độ bền màu đối với chà xát	Chấp nhận ISO 17700:2004	Nt	2015	2015			
821.		Giày dép – Phương pháp thử mũ, lót mũ và lót mặt – Sự chuyển màu	Chấp nhận ISO 17701:2003	Nt	2015	2015			
822.		Giày dép – Phương pháp thử đế ngoài, đế trong, lót mũ và lót mặt – Hàm lượng chất hòa tan trong nước	Chấp nhận ISO 20869:2010	Nt	2015	2015			
823.		Giày dép – Phương pháp thử toàn bộ giày dép – Độ cách nhiệt	Chấp nhận ISO 20877:2011	Nt	2015	2015			

Vật liệu dệt									
824.		Vật liệu dệt – Phương pháp thử cho vải không dệt – Phần 5: Xác định độ bền đối với quá trình thẩm cơ học (quy trình nổ bóng)	Chấp nhận ISO 9073-5:2008	Viện TCCLVN	2015	2015			
825.		Vật liệu dệt – Phương pháp thử cho vải không dệt – Phần 6: Phương pháp hấp thụ	Chấp nhận ISO 9073-6:2000	Nt	2015	2015			
826.		Vật liệu dệt – Phương pháp thử cho vải không dệt – Phần 7: Xác định chiều dài uốn	Chấp nhận ISO 9073-7:1995	Nt	2015	2015			
827.		Vật liệu dệt – Phương pháp thử cho vải không dệt – Phần 8: Xác định độ thời gian thẩm màu thuốc nhuộm (nước tiểu mô phỏng)	Chấp nhận ISO 9073-8:1995	Nt	2015	2015			
828.		Vật liệu dệt – Phương pháp thử cho vải không dệt – Phần 9: Xác định hệ số drape	Chấp nhận ISO 9073-9:2008	Nt	2015	2015			
829.		Vật liệu dệt – Phương pháp thử cho vải không dệt – Phần 10: Bóng xơ và các vật	Chấp nhận ISO 9073-10:2003	Nt	2015	2015			

		liệu khác ở trạng thái khô							
830.		Vật liệu dệt – Phương pháp thử cho vải không dệt – Phần 11: Phương pháp đổ khuôn	Chấp nhận ISO 9073-11:2002	Nt	2015	2015			
831.		Vật liệu dệt – Phương pháp thử cho vải không dệt – Phần 12: Khả năng hấp thụ	Chấp nhận ISO 9073-12:2002	Viện TCCLVN	2015	2015			
832.		Vật liệu dệt – Phương pháp thử cho vải không dệt – Phần 13: Thời gian thấm màu thuốc nhuộm lặp lại	Chấp nhận ISO 9073-13:2006	Nt	2015	2015			
833.		Vật liệu dệt – Phương pháp thử cho vải không dệt – Phần 14: Vật liệu phủ	Chấp nhận ISO 9073-14:2006	Nt	2015	2015			
Yêu cầu an toàn trong thiết kế nhà máy điện hạt nhân									
834.		Nhà máy điện hạt nhân - Thiết kế và chất lượng kháng chấn	Tham khảo hướng dẫn của IAEA	Viện TCCLVN	2015	2015			
835.		Nhà máy điện hạt nhân - Thiết kế hệ thống cấp điện khẩn cấp	Tham khảo hướng dẫn của IAEA	Nt	2015	2015			
836.		Nhà máy điện hạt nhân - Thiết kế hệ thống làm mát lò phản ứng và các hệ	Tham khảo hướng dẫn của IAEA	Nt	2015	2015			

		thống liên quan							
837.		Nhà máy điện hạt nhân - Thiết kế các hệ thống boong-ke lò phản ứng	Tham khảo hướng dẫn của IAEA	Viện TCCLVN	2015	2015			
838.		Nhà máy điện hạt nhân - Thiết kế vùng hoạt lò phản ứng	Tham khảo hướng dẫn của IAEA	Nt	2015	2015			
839.		Nhà máy điện hạt nhân - Thiết kế hệ thống đo đạc và điều khiển quan trọng về an toàn	Tham khảo hướng dẫn của IAEA	Nt	2015	2015			
840.		Nhà máy điện hạt nhân - Thiết kế hệ thống quản lý chất thải phóng xạ	Tham khảo hướng dẫn của IAEA	Nt	2015	2015			
841.		Nhà máy điện hạt nhân - Thiết kế chống cháy và nổ	Tham khảo hướng dẫn của IAEA	Nt	2015	2015			
842.		Nhà máy điện hạt nhân - Thiết kế hệ thống xử lý và lưu giữ nhiên liệu	Tham khảo hướng dẫn của IAEA	Nt	2015	2015			
843.		Nhà máy điện hạt nhân - Thiết kế chống các nguy hại bên trong ngoài sự kiện cháy và nổ	Tham khảo hướng dẫn của IAEA	Nt	2015	2015			
844.		Nhà máy điện hạt nhân - Phần mềm cho hệ thống dựa trên máy tính quan trọng	Tham khảo hướng dẫn của IAEA	Nt	2015	2015			

		về an toàn							
Quản lý môi trường									
845.		Quản lý môi trường - Đánh giá vòng đời sản phẩm - Định dạng tài liệu dữ liệu	Chấp nhận ISO/TS 14048:2002	Viện TCCLVN	2015	2015			
846.		Quản lý môi trường – Đánh giá vòng đời sản phẩm – Ví dụ minh họa về cách áp dụng ISO 14044 để xác định mục tiêu, phạm vi và phân tích kiểm kê	Chấp nhận ISO/TR 14049:2012	Nt	2015	2015			
847.		Quản lý môi trường – Đánh giá vòng đời sản phẩm – Quá trình xem xét phản biện và năng lực phản biện: Các yêu cầu và hướng dẫn bổ sung cho ISO 14044:2006	Chấp nhận ISO/TS 14071:2014	Nt	2015	2015			
848.		Quản lý môi trường – Từ vựng	Chấp nhận ISO 14050:2009; Soát xét TCVN ISO 14050:2009	Nt	2015	2015			
Chất lượng nước									
849.		Chất lượng nước – Xác định xyanua – Phần 2: Xác định xyanua có thể giải phóng dễ dàng	Chấp nhận ISO 6703-2:1984	Viện TCCLVN	2015	2015			
850.		Chất lượng nước –	Chấp nhận	Nt	2015	2015			

		Xác định xyanua – Phần 3: Xác định xyanogen clorua	ISO 6703-3:1984						
851.		Chất lượng nước – Phép thử độc tính để đánh giá sự ức chế của quá trình nitrat hóa đến các vi sinh vật bùn hoạt tính	Chấp nhận ISO 9509:2006	Viện TCCLVN	2015	2015			
852.		Chất lượng nước – Sự hấp thụ của các chất lên bùn hoạt tính – Phép thử theo mẻ sử dụng phương pháp phân tích đặc thù.	Chấp nhận 18749:2004	ISO Nt	2015	2015			
853.		Chất lượng nước – Đánh giá phân hủy sinh học hiếu khí của các hợp chất hữu cơ trong môi trường nước – Phương pháp bùn hoạt tính bán liên tục (SCAS).	Chấp nhận 9887:1992	ISO Nt	2015	2015			
Chất lượng đất									
854.		Chất lượng đất – Xác định nitrat, nitrit và amoni trong đất ẩm bằng chiết với dung dịch kali clorua – Phần 1: Phương pháp thủ công	Chấp nhận ISO/TS 14256-1:2003	Viện TCCLVN	2015	2015			
855.		Chất lượng đất – Xác định nitrat, nitrit và	Chấp nhận ISO 14256-2:2005	Nt	2015	2015			

		amoni trong trường đất âm bằng chiết với dung dịch kali clorua – Phần 2: Phương pháp từ động bằng phân tích dòng phân đoạn							
856.		Chất lượng đất – Xác định hàm lượng hydrocacbon trong dãy C14 đến C40 bằng sắc ký khí	Chấp nhận ISO 16703:2004	Viện TCCLVN	2015	2015			
857.		Chất lượng đất – Xác định polychlorin biphenyl (PCB) bằng sắc ký khí kết hợp detector khối lượng và sắc ký khí với detector bẫy electron (GC-ECD)	Chấp nhận ISO 13876: 2013	Nt	2015	2015			
858.		Chất lượng đất – Xác định một số phtalat bằng phương pháp sắc ký khí mao quản kết hợp với detector phổ khối lượng	Chấp nhận ISO 13913:2014	Nt	2015	2015			
859.		Chất lượng đất – Xác định dioxin và furan và PCB giống dioxin bằng sắc ký khí kết hợp detector khối lượng độ phân giải cao (GC/HRMS)	Chấp nhận ISO 13914: 2013	Nt	2015	2015			

Âm học									
860.		Âm học – Chuẩn không để hiệu chuẩn thiết bị đo thính lực – Phần 1: Các mức áp suất âm ngưỡng tương đương chuẩn đối với tai nghe vừa vành tai và âm đơn sắc.	Chấp nhận ISO389-1:1998	Viện TCCLVN	2015	2015			
861.		Âm học – Chuẩn không để hiệu chuẩn thiết bị đo thính lực – Phần 2: Các mức áp suất âm ngưỡng tương đương chuẩn đối với tai nghe loại lắp trong tai và âm đơn sắc.	Chấp nhận ISO389-2:1994	Nt	2015	2015			
862.		Âm học – Chuẩn không để hiệu chuẩn thiết bị đo thính lực – Phần 3: Các mức cường độ ngưỡng tương đương chuẩn đối với máy nghe rung xương và âm đơn sắc.	Chấp nhận ISO389-3:1994 / Cor 1:1995	Nt	2015	2015			
863.		Âm học – Chuẩn không để hiệu chuẩn thiết bị đo thính lực – Phần 4: Các mức	Chấp nhận ISO389-4:1994	Nt	2015	2015			

		chuẩn đối với tiếng ồn che phủ dải hẹp							
864.		Âm học – Chuẩn không để hiệu chuẩn thiết bị đo thính lực – Phần 5: Các mức áp suất âm ngưỡng tương đương chuẩn đối với âm đơn sắc trong dải tần số 8 kHz đến 16 kHz.	Chấp nhận ISO389-5:2006	Viện TCCLVN	2015	2015			
865.		Âm học – Chuẩn không để hiệu chuẩn thiết bị đo thính lực – Phần 6: Ngưỡng nghe chuẩn đối với tín hiệu thử trong thời gian ngắn.	Chấp nhận ISO389-6:2007	Nt	2015	2015			
866.		Âm học – Chuẩn không để hiệu chuẩn thiết bị đo thính lực – Phần 7: Ngưỡng nghe chuẩn dưới các điều kiện trường tự do và trường khuếch tán	Chấp nhận ISO389-7:2005	Nt	2015	2015			
867.		Âm học – Chuẩn không để hiệu chuẩn thiết bị đo thính lực – Phần 8: Các mức áp suất ngưỡng tương đương chuẩn đối với tai nghe chụp kín tai và âm đơn sắc.	Chấp nhận ISO389-8:2004	Nt	2015	2015			

868.		Âm học – Chuẩn không đối với hiệu chuẩn thiết bị đo thính lực – Phần 9: Các điều kiện thử ưu tiên để xác định mức ngưỡng nghe chuẩn.	Chấp nhận ISO389-9:2009	Viện TCCLVN	2015	2015			
Thẻ thanh toán thông minh									
869.		Đặc tả ứng dụng thanh toán chung - Phần 1 – Tổng quan và từ vựng	Tham khảo EMV Common Payment Application Specification Chap 1 +2 +3+4+5	Viện TCCLVN	2015	2015			
870.		Đặc tả ứng dụng thanh toán chung - Phần 2 – Đặc tả câu lệnh, lựa chọn và quy trình khởi động ứng dụng	Tham khảo EMV Common Payment Application Specification Chap 6+7+8	Nt	2015	2015			
871.		Đặc tả ứng dụng thanh toán chung - Phần 3 – Quy định quá trình đọc thẻ	Tham khảo EMV Common Payment Application Specification Chap 9+10+11+12+13+14+16	Nt	2015	2015			
872.		Đặc tả ứng dụng thanh toán chung - Phần 4 – Phân tích hành vi thẻ lần 1	Tham khảo EMV Common Payment Application Specification Chap 15	Nt	2015	2015			
873.		Đặc tả ứng dụng thanh toán chung - Phần 5 – Phân tích	Tham khảo EMV Common Payment Application Specification	Nt	2015	2015			

		hành vi thẻ lần 2	Chap 17						
874.		Đặc tả ứng dụng thanh toán chung - Phần 6 – Quy trình xử lý mã lệnh từ bên phát hành đến thẻ	Tham khảo EMV Common Payment Application Specification Chap 18+19	Viện TCCLVN	2015	2015			
875.		Đặc tả ứng dụng thanh toán chung - Phần 7 – Quản lý khóa và an ninh	Tham khảo EMV Common Payment Application Specification Chap 20 + 21	Nt	2015	2015			
876.		Đặc tả ứng dụng thanh toán chung - Phần 8 – Quy trình xử lý	Tham khảo EMV Common Payment Application Specification Annex A+B+C+D+E+F+G+H+I+J +K+L	Nt	2015	2015			
Thẻ nhận dạng – Thẻ mạch tích hợp									
877.		Thẻ nhận dạng – thẻ vi mạch – Phần 1: thẻ có tiếp xúc – Đặc tính vật lý	Chấp nhận ISO/IEC 7816-1:2011	Viện TCCLVN	2015	2015			
878.		Thẻ nhận dạng – thẻ vi mạch – Phần 2: thẻ có tiếp xúc – Các chiều kích thước và vị trí tiếp xúc	Chấp nhận ISO/IEC 7816-2:2007	Nt	2015	2015			
879.		Thẻ nhận dạng – thẻ vi mạch – Phần 3: thẻ có tiếp xúc – Giao diện điện và các giao thức truyền	Chấp nhận ISO/IEC 7816-3:2006	Nt	2015	2015			
880.		Thẻ nhận dạng – thẻ	Chấp nhận	Nt	2015	2015			

		vi mạch – Phần 4: Tổ chức, an ninh và các lệnh trao đổi	ISO/IEC 7816-4:2013						
881.		Thẻ nhận dạng – thẻ vi mạch – Phần 5: Sổ đăng ký các nhà cung cấp ứng dụng	Chấp nhận ISO/IEC 7816-5:2004	Viện TCCLVN	2015	2015			
882.		Thẻ nhận dạng – thẻ vi mạch – Phần 6: Các phần tử dữ liệu liên ngành công nghiệp trong trao đổi	Chấp nhận ISO/IEC 7816-6:2004	Nt	2015	2015			
883.		Thẻ nhận dạng – thẻ vi mạch – Phần 7: Các lệnh đối với ngôn ngữ truy vấn thẻ có cấu trúc	Chấp nhận ISO/IEC 7816-7:1999	Nt	2015	2015			
884.		Thẻ nhận dạng – thẻ vi mạch – Phần 8: Các lệnh đối với các thao tác an ninh	Chấp nhận ISO/IEC 7816-8:2004	Nt	2015	2015			
885.		Thẻ nhận dạng – thẻ vi mạch – Phần 9: Các lệnh đối với quản lý thẻ	Chấp nhận ISO/IEC 7816-9:2004	Nt	2015	2015			
886.		Thẻ nhận dạng – thẻ vi mạch – Phần 10: Thẻ tiếp xúc – Giao diện điện cho các thẻ đồng bộ hoá	Chấp nhận ISO/IEC 7816-10:1999	Nt	2015	2015			
887.		Thẻ nhận dạng – thẻ vi mạch – Phần 11: Xác minh cá nhân	Chấp nhận ISO/IEC 7816-11:2004	Nt	2015	2015			

		thông qua phương pháp sinh tắc học							
888.		Thẻ nhận dạng – thẻ vi mạch – Phần 12: Thẻ tiếp xúc – Thủ tục vận hành và giao diện điện USB	Chấp nhận ISO/IEC 7816-12:2005	Viện TCCLVN	2015	2015			
889.		Thẻ nhận dạng – thẻ vi mạch – Phần 13: Các lệnh quản lý ứng dụng trong môi trường đa ứng dụng	Chấp nhận ISO/IEC 7816-13:2007	Nt	2015	2015			
890.		Thẻ nhận dạng – Thẻ vi mạch – Phần 15: Ứng dụng thông tin mã hóa Bổ sung 1: Các ví dụ sử dụng ứng dụng thông tin mã hóa Bổ sung 2: Hiệu chỉnh lỗi và mở rộng cho môi trường đa ứng dụng	Chấp nhận ISO/IEC 7816-15:2004 + Cor 1:2004 +Amd 1:2007 +Amd 2:2008	Nt	2015	2015			
Thẻ nhận dạng – Thẻ từ									
891.		-Thẻ nhận dạng – Đặc tính vật lý	Chấp nhận ISO/IEC 7810:2003 Amd1:2009; Amd2:2012;	Viện TCCLVN	2015	2015			
892.		-Thẻ nhận dạng – Kỹ thuật ghi – Phần 1: Dập nổi	Chấp nhận ISO/IEC 7811-1:2002	Nt	2015	2015			
893.		-Thẻ nhận dạng – Kỹ thuật ghi – Phần 2:	Chấp nhận ISO/IEC 7811-2:2001	Nt	2015	2015			

		Dải từ kháng thấp							
894.		-Thẻ nhận dạng – Kỹ thuật ghi – Phần 6: Dải từ kháng cao	Chấp nhận ISO/IEC 7811-6:2008 /Cor 1:2010	Viện TCCLVN	2015	2015			
895.		-Thẻ nhận dạng – Kỹ thuật ghi – Phần 7: Dải từ kháng cao, mật độ cao	Chấp nhận ISO/IEC 7811-7:2004	Nt	2015	2015			
896.		-Thẻ nhận dạng – Kỹ thuật ghi – Phần 8: Dải từ kháng 51,7 kA/m (650 Oe)	Chấp nhận ISO/IEC 7811-8:2008	Nt	2015	2015			
897.		-Thẻ nhận dạng – Kỹ thuật ghi – Phần 9: Nhãn thẻ nhận dạng sờ được	Chấp nhận ISO/IEC 7811-9:2008	Nt	2015	2015			
Thông tin và tư liệu									
898.		Thông tin và tư liệu – Quy tắc viết tắt cho tựa đề các từ và tựa đề của xuất bản phẩm	Chấp nhận ISO 4:1997	Viện TCCLVN	2015	2015			
899.		Thông tin và tư liệu – Mã biểu ghi tiêu chuẩn quốc tế (ISRC)	Chấp nhận ISO 3901:2001	Nt	2015	2015			
900.		Tư liệu – Nội dung mục lục của xuất bản phẩm định kỳ	Chấp nhận ISO 18:1981	Nt	2015	2015			
901.		Thông tin và tư liệu – Mã số tiêu chuẩn quốc tế cho bản nhạc in	Chấp nhận ISO 10957:2009	Nt	2015	2015			
902.		Thông tin và tư liệu - Mã số tiêu chuẩn	Chấp nhận ISO 3297:2007; Soát xét	Nt	2015	2015			

		quốc tế cho xuất bản phẩm nhiều kỳ	TCVN 6381:2007						
903.		Thông tin và tư liệu – Các yêu cầu lưu trữ tài liệu đối với việc lưu trữ và các vật liệu thư viện	Chấp nhận ISO 11799:2003	Viện TCCLVN	2015	2015			
904.		Thông tin và tư liệu – Tập các yếu tố/phần tử siêu dữ liệu	Chấp nhận ISO 15836:2009/Cor 1:2009; Soát xét TCVN 7980:2008 (ISO 15836:2003)	Nt	2015	2015			
905.		Thông tin và tư liệu – Giấy cho tư liệu – Các yêu cầu đối với sự vĩnh cửu của giấy tư liệu	Chấp nhận ISO 9706:1994	Nt	2015	2015			
Độ không đảm bảo đo									
906.		Hướng dẫn sử dụng ước lượng độ lặp lại, độ tái lập và độ đúng trong ước lượng độ không đảm bảo đo	Chấp nhận ISO 21748:2010	Viện TCCLVN	2015	2015			
907.		Độ không đảm bảo đo đối với các ứng dụng đo lường – Phép đo lặp lại và thực nghiệm lồng	Chấp nhận ISO/TS 21749:2005	Nt	2015	2015			
908.		Độ chính xác (độ đúng và độ chụm) của phương pháp đo và kết quả đo –	Chấp nhận ISO/TR 22971:2005	Nt	2015	2015			

		Hướng dẫn thực hành sử dụng TCVN 6910-2:2001 (ISO 5725-2:1994) trong thiết kế, thực hiện và phân tích thống kê các kết quả độ lặp lại và độ tái lập của phòng thí nghiệm							
Quy trình lấy mẫu									
909.		Quy trình lấy mẫu để kiểm tra định lượng – Phần 4: Quy trình đánh giá mức chất lượng công bố	Chấp nhận ISO 3951-4:2011	Viện TCCLVN	2015	2015			
910.		Quy trình lấy mẫu để kiểm tra định lượng – Phần 5: Phương án lấy mẫu liên tiếp xác định theo giới hạn chất lượng chấp nhận (AQL) để kiểm tra định lượng (độ lệch chuẩn đã biết)	Chấp nhận ISO 3951-5:2006	Nt	2015	2015			
911.		Phương án lấy mẫu liên tiếp để kiểm tra định lượng phần trăm không phù hợp (độ lệch chuẩn đã biết)	Chấp nhận ISO 8423:2008	Nt	2015	2015			
912.		Quy trình lấy mẫu để kiểm tra định tính –	Chấp nhận ISO 2859-2:1985	Nt	2015	2015			

		Phần 2: Phương án lấy mẫu xác định theo chất lượng giới hạn (LQ) để kiểm tra lô riêng biệt							
913.		Quy trình lấy mẫu chấp nhận định tính – Mức chất lượng quy định về số cá thể không phù hợp trên một phần triệu	Chấp nhận ISO 14560:2004	Viện TCCLVN	2015	2015			
914.		Quy trình lấy mẫu chấp nhận định tính – Hệ thống lấy mẫu có số chấp nhận bằng “không” trên nguyên tắc số tin cậy để kiểm soát chất lượng đầu ra	Chấp nhận ISO 18414:2006	Nt	2015	2015			
915.		Hệ thống lấy mẫu kết hợp có số chấp nhận bằng không và quy trình kiểm soát quá trình để chấp nhận sản phẩm	Chấp nhận ISO 21247:2005	Nt	2015	2015			
916.		Quy trình lấy mẫu chấp nhận dựa trên sự phân bố nguyên tắc ưu tiên (APP) – Phần 1: Hướng dẫn về cách tiếp cận APP	Chấp nhận ISO 13448-1:2005	Nt	2015	2015			
917.		Quy trình lấy mẫu chấp nhận dựa trên sự phân bố nguyên tắc	Chấp nhận ISO 13448-2:2004	Nt	2015	2015			

		ưu tiên (APP) – Phần 2: Phương án lấy mẫu một lần phối hợp dùng cho lấy mẫu chấp nhận định tính							
Giải thích dữ liệu thống kê									
918.		Giải thích dữ liệu thống kê – Phần 6: Xác định khoảng dung sai thống kê	Chấp nhận ISO 16269-6:2014 ; soát xét TCVN 8006-6:2008	Viện TCCLVN	2015	2015			
919.		Giải thích dữ liệu thống kê – Kiểm nghiệm và khoảng tin cậy liên quan đến tỉ lệ	Chấp nhận ISO 11453:1996/Cor 1:1999	Nt	2015	2015			
920.		Giải thích dữ liệu thống kê – So sánh hai trung bình trong trường hợp quan trắc theo cặp	Chấp nhận ISO 3301:1975	Nt	2015	2015			
921.		Giải thích thống kê kết quả thử – Ước lượng trung bình – Khoảng tin cậy	Chấp nhận ISO 2602:1980	Nt	2015	2015			
Hệ thống quản lý									
922.		Hệ thống quản lý năng lượng – Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý năng lượng	Chấp nhận ISO 50003:2015	Viện TCCLVN	2015	2015			
923.		Đánh giá năng lượng – Yêu cầu và hướng dẫn sử dụng	Chấp nhận ISO 50002:2014	Nt	2015	2015			

924.		Quản lý rủi ro – Hướng dẫn áp dụng ISO 31000	Chấp nhận ISO 31004:2013	Nt	2015	2015			
925.		Hệ thống quản lý sự kiện bền vững – Yêu cầu và hướng dẫn sử dụng	Chấp nhận ISO 20121:2012	Nt	2015	2015			
926.		Quản lý chất lượng - Sự thỏa mãn của khách hàng - Hướng dẫn xử lý khiếu nại bên trong tổ chức	Chấp nhận ISO10002:2014; Soát xét TCVN ISO 10002:2010	Nt	2015	2015			
927.		Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm	Chấp nhận ISO 22003:2013; Soát xét TCVN ISO 22003:2008	Nt	2015	2015			
928.		Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm - Hướng dẫn áp dụng ISO 22000	Soát xét TCVN ISO 22004:2008; Chấp nhận ISO 22004:2014	Nt	2015	2015			
Đánh giá sự phù hợp									
929.		Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý - Phần 1: Các yêu cầu	Chấp nhận ISO/IEC 17021- 1:2014/2015	Viện TCCLVN	2015	2015			
930.		Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống	Chấp nhận ISO/IEC 17021- 4:2013	Nt	2015	2015			

		quản lý - Phần 4: Yêu cầu về năng lực đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý sự kiện bền vững							
931.		Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý - Phần 5: Yêu cầu về năng lực đánh giá chứng nhận hệ thống quản lý tài sản	Chấp nhận ISO/IEC 17021-5:2014	Nt	2015	2015			
932.		Đánh giá sự phù hợp – Từ vựng liên quan đến năng lực cá nhân sử dụng trong chứng nhận năng lực cá nhân	Chấp nhận ISO/IEC 17027:2014	Nt	2015	2015			
933.		Đánh giá sự phù hợp – Hướng dẫn xác định thời lượng đánh giá chứng nhận quản lý	Chấp nhận ISO/IEC 17023:2013	Nt	2015	2015			
Mã số mã vạch vật phẩm									
934.		Mã số mã vạch vật phẩm – Hướng dẫn xác định vị trí in mã vạch lên vật phẩm – Yêu cầu kỹ thuật	Xây dựng mới trên cơ sở nghiên cứu tài liệu “Quy định kỹ thuật chung của GS1”	Viện TCCLVN	2015	2015			
935.		Mã số toàn cầu về quan hệ dịch vụ	Soát xét TCVN 7976:2008 Nghiên cứu tài liệu “Quy	Nt	2015	2015			

		(GSRN) – Yêu cầu kỹ thuật	định kỹ thuật chung của GS1”						
--	--	---------------------------	------------------------------	--	--	--	--	--	--

Chú thích: Trong quá trình thực hiện kế hoạch, tên gọi TCVN trong kế hoạch cần được xem xét, nghiên cứu xác định lại cho phù hợp với nội dung, đối tượng Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) tương ứng.
